



**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÔNG ĐO**



## **BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

*(Ban hành theo Quyết định số .6H./QĐ-ĐHĐĐ ngày .11 tháng 02 năm  
2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Đông Đô)*

**Tên chương trình : Kế toán**  
**Trình độ đào tạo : Đại học**  
**Mã ngành : 7340301**  
**Ngành đào tạo : Cử nhân Kế toán**  
**Loại hình đào tạo : Chính quy**

**Phiên bản điều chỉnh 2025, lần 2**

**Hà Nội, 2025**



Số: 64 /QĐ - ĐHĐĐ

Hà Nội, ngày 11 tháng 02 năm 2025

## QUYẾT ĐỊNH

V/v ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học chính quy,  
trình độ thạc sĩ, trình độ tiến sĩ năm 2025

### HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÔNG ĐÓ

Căn cứ Quyết định số 534/TTg ngày 03/10/1994 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Dân lập Đông Đô;

Căn cứ Quyết định số 235/QĐ-TTg ngày 17/02/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc chuyển đổi Trường Đại học Dân lập Đông Đô sang loại hình trường đại học tư thục;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/06/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định 62/QĐ-ĐHĐĐ-HĐT ngày 02/10/2023 của Chủ tịch Hội đồng trường về việc ban hành Quy chế Tổ chức và Hoạt động của Trường Đại học Đông Đô;

Căn cứ Hướng dẫn về việc xây dựng và phát triển chương trình đào tạo số 498/HD-ĐHĐĐ ngày 06/12/2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Đông Đô;

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng Khoa học và Đào tạo số 17/BB-ĐHĐĐ ngày 24/01/2025 thông qua chương trình đào tạo và đề cương chi tiết học phần, điều chỉnh năm 2025;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo.

## QUYẾT ĐỊNH

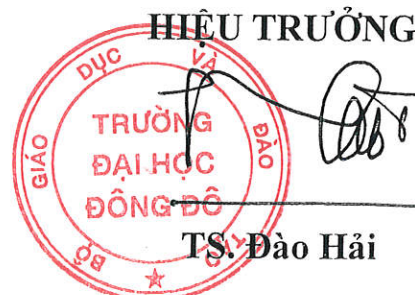
**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này 16 chương trình đào tạo trình độ đại học chính quy; 05 chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ; 01 chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ và các đề cương chi tiết học phần tương ứng (có danh mục chương trình đào tạo kèm theo).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và áp dụng từ khóa tuyển sinh năm 2025 (K30) trở đi.

**Điều 3.** Các Ông/Bà Trưởng phòng: Hành chính - Tổng hợp, Kế hoạch - Tài chính, Đào tạo, Khảo thí và Quản lý chất lượng; Viện trưởng Viện Đào tạo sau đại học, Trưởng các đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / *Đào Hải*

#### Nơi nhận:

- HĐT, BGH;
- Như Điều 3;
- Lưu: VT.





DANH MỤC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành kèm theo Quyết định số 64/QĐ-ĐHĐĐ ngày 11 tháng 02 năm 2025  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Đông Đô)

1. Danh mục 16 chương trình đào tạo trình độ đại học

Stt	Tên ngành	Mã ngành
1	Ngôn ngữ Anh	7220201
2	Ngôn ngữ Trung Quốc	7220204
3	Ngôn ngữ Nhật	7220209
4	Ngôn ngữ Hàn Quốc	7220210
5	Quản lý nhà nước	7310205
6	Quản trị kinh doanh	7340101
7	Thương mại điện tử	7340122
8	Tài chính ngân hàng	7340201
9	Kế toán	7340301
10	Luật Kinh tế	7380107
11	Công nghệ thông tin	7480201
12	Công nghệ kỹ thuật ô tô	7510205
13	Thú Y	7640101
14	Dược học	7720201
15	Điều dưỡng	7720301
16	Kỹ thuật xét nghiệm y học	7720601

2. Danh mục 05 chương trình đào tạo trình độ thạc sỹ

Stt	Tên ngành	Mã ngành
1	Quản lý kinh tế	8310110
2	Quản trị kinh doanh	8340101
3	Tài chính – Ngân hàng	8340201
4	Quản lý công	8340403
5	Kiến trúc	8580101

3. Danh mục 01 chương trình đào tạo trình độ tiến sỹ

Stt	Tên ngành	Mã ngành
2	Quản trị kinh doanh	9340101

*Handwritten signature*



**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÔNG ĐÓ**



## **BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

*(Ban hành theo Quyết định số .64./QĐ-ĐHĐĐ ngày .11 tháng 02 năm  
2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Đông Đô)*

**Tên chương trình : Kế toán**  
**Trình độ đào tạo : Đại học**  
**Mã ngành : 7340301**  
**Ngành đào tạo : Cử nhân Kế toán**  
**Loại hình đào tạo : Chính quy**

**Phiên bản điều chỉnh 2025, lần 2**

**Hà Nội, 2025**



# MỤC LỤC

<b>1</b>	<b>GIỚI THIỆU VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO.....</b>	<b>1</b>
1.1	Giới thiệu về chương trình đào tạo.....	1
1.2	Thông tin chung.....	1
<b>2</b>	<b>MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO.....</b>	<b>2</b>
2.1	Triết lý giáo dục của trường Đại học Đông Đô.....	2
2.2	Tầm nhìn và sứ mạng về chương trình đào tạo ngành Kế toán.....	10
2.3	Mục tiêu của chương trình đào tạo.....	10
<b>3</b>	<b>CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO.....</b>	<b>12</b>
<b>4</b>	<b>VỊ TRÍ LÀM VIỆC CỦA SINH VIÊN SAU KHI TỐT NGHIỆP.....</b>	<b>16</b>
<b>5</b>	<b>ĐỐI SÁNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO.....</b>	<b>17</b>
5.1	Đối sánh chương trình đào tạo.....	17
5.2	Nhận xét:.....	23
<b>6</b>	<b>NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO.....</b>	<b>24</b>
6.1	Cấu trúc của chương trình đào tạo.....	24
6.2	Danh sách học phần.....	25
6.3	Phân nhiệm giữa các học phần và CDR của CTĐ.....	31
6.4	Kế hoạch giảng dạy.....	41
6.5	Chiến lược và phương pháp đánh giá.....	52
6.6	Sơ đồ tiến trình đào tạo.....	54
<b>7</b>	<b>MÔ TẢ TÓM TẮT HỌC PHẦN.....</b>	<b>57</b>
<b>8</b>	<b>Hướng dẫn thực hiện chương trình.....</b>	<b>77</b>
8.1	Đối với Ngành Kế toán.....	77
8.2	Đối với giảng viên.....	77
8.3	Đối với sinh viên.....	77
8.4	Dự kiến mức học phí/người học/năm:.....	78
8.5	Thực hiện chương trình.....	78
8.6	Đánh giá và cập nhật, cải tiến chương trình đào tạo.....	78

## CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

*(Ban hành theo Quyết định số 64/QĐ- ĐHNB ngày 11 tháng 02 năm 2025*

*của Hiệu trưởng Trường Đại học Đông Đô)*

### 1. GIỚI THIỆU VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

#### 1.1 Giới thiệu về chương trình đào tạo

CTĐT ngành Kế toán được điều chỉnh nhằm mục đích nâng cao chất lượng đào tạo đại học, thực hiện các chương trình đổi mới cơ bản và toàn diện giáo dục đại học Việt Nam. Chương trình đào tạo đại học ngành Kế toán được kế thừa từ chương trình đào tạo ban hành 2022 và được bổ sung, phát triển nhiều nội dung mới như viết lại chuẩn đầu ra, mục tiêu học phần, cập nhật các phần kế toán quốc tế, nguyên lý kế toán Mỹ... để đáp ứng với yêu cầu mới của thị trường lao động có liên quan đến công nghệ ô tô trong nước và hội nhập quốc tế trong điều kiện mới.

#### 1.2 Thông tin chung

**-Tên ngành đào tạo:**

+ Tên tiếng Việt: **Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Kế toán**

+ Tên tiếng Anh: Bachelor's Program in Accounting

- Mã ngành: 734.03.01

- Trình độ đào tạo: Đại học

- Thời gian đào tạo: 4 năm (có thể học vượt theo quy định)

- Tên văn bằng sau khi tốt nghiệp: Cử nhân Kế toán.

+ Tên tiếng Việt: Cử nhân Kế toán

+ Tên tiếng Anh: Bachelor of accounting

- Đơn vị được giao nhiệm vụ đào tạo: Ngành Kế toán Trường Đại học Đông Đô

- Đơn vị cấp bằng: Trường Đại học Đông Đô

- Loại hình đào tạo: Chính quy, Vừa làm vừa học

- Ngôn ngữ sử dụng: Tiếng Việt

- Thông tin tuyển sinh:

+ Đối tượng tuyển sinh:

Tuyển sinh theo quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

+ Phương thức tuyển sinh:

Tuyển sinh theo đề án tuyển sinh hàng năm của Trường Đại học Đông Đô.

Học sinh tốt nghiệp THPT

- Chuẩn đầu vào:

Theo Quy chế đào tạo đại học của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Theo Quy định đào tạo đại học theo hệ thống tín chỉ của Trường ĐH Đông Đô.

Chương trình đào tạo được cấu trúc theo hệ thống tín chỉ với thời gian học tập chuẩn toàn khóa là 04 năm học. Mỗi năm học gồm hai học kỳ chính và được tổ chức thành bốn học kỳ nhỏ. Trong 2 năm đầu tiên, sinh viên được học kiến thức đại cương và cơ sở ngành. Trong 2 năm tiếp theo, sinh viên tiếp tục học các kiến thức chuyên ngành, đi thực tập và thực hiện Khóa luận tốt nghiệp

- Điều kiện tốt nghiệp:

Sinh viên được xét công nhận tốt nghiệp khi có đủ các điều kiện sau:

1. Không bị truy cứu trách nhiệm hình sự, không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập;
2. Tích lũy đủ số học phần và khối lượng của chương trình đào tạo;
3. Điểm trung bình chung tích lũy toàn khóa học đạt từ 2,00 trở lên;
4. Có chứng chỉ Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng;
5. Đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

## 2. MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

### 2.1 Triết lý giáo dục của trường Đại học Đông Đô

Triết lý giáo dục của trường Đại học Đông Đô là “Nhân văn – Sáng tạo – Thực nghiệp” được chuyển tải một cách cụ thể vào chương trình đào tạo và được thể hiện ở bảng dưới đây.

**Bảng 1. Triết lý giáo dục của Trường Đại học Đông Đô được chuyển tải vào chương trình đào tạo**

STT	Chương trình đào tạo ngành Kế toán	Triết lý giáo dục của Trường Đại học Đông Đô		
		Nhân văn	Sáng tạo	Thực nghiệp
<b>1. Kiến thức giáo dục đại cương</b>				
1	Triết học Mác – Lênin	x	x	x
2	Kinh tế chính trị - Mác Lênin	x	x	x
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	x	x	x



STT	Chương trình đào tạo ngành Kế toán	Triết lý giáo dục của Trường Đại học Đông Đô		
		Nhân văn	Sáng tạo	Thực nghiệp
4	Tư tưởng Hồ Chí Minh	x	x	x
5	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	x	x	x
6	Ngôn ngữ Anh 1	x	x	x
7	Ngôn ngữ Anh 2	x	x	x
8	Ngôn ngữ Anh 3	x	x	x
9	Tin học đại cương	x	x	x
10	Pháp luật đại cương	x	x	x
<b>Kiến thức giáo dục đại cương tự chọn</b>				
11	Xác suất thống kê			
12	Kỹ năng giao tiếp và thuyết trình	x	x	x
<b>Giáo dục Thể chất, Giáo dục QPAN</b>				
	Giáo dục QPAN	x		
	Giáo dục thể chất	x	x	x
<b>2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp</b>				
<b>2.1. Kiến thức cơ sở ngành bắt buộc</b>				
13	Toán cao cấp	x	x	x
14	Kinh tế vi mô	x	x	x
15	Kinh tế vĩ mô	x	x	x

STT	Chương trình đào tạo ngành Kế toán	Triết lý giáo dục của Trường Đại học Đông Đô		
		Nhân văn	Sáng tạo	Thực nghiệp
16	Nguyên lý kế toán	x	x	x
17	Nguyên lý Thống kê	x	x	x
18	Pháp luật kinh tế	x	x	x
	<b>Kiến thức cơ sở ngành tự chọn</b>			
19	Phân tích thị trường chứng khoán	x	x	x
20	Marketing căn bản	x	x	x
21	Tâm lý học kinh doanh	x	x	x
22	Thương mại quốc tế	x	x	x
	<b>Kiến thức ngành, chuyên ngành bắt buộc</b>			
23	Tài chính doanh nghiệp	x	x	x
24	Thuế và kế toán thuế	x	x	x
25	Kế toán quản trị	x	x	x
26	Kế toán tài chính 1	x	x	x
27	Kế toán tài chính 2	x	x	x
28	Kế toán quốc tế	x	x	x
29	Kinh tế quốc tế	x	x	x
30	Kế toán hành chính sự nghiệp	x	x	x
31	Kế toán xây dựng cơ bản	x	x	x

STT	Chương trình đào tạo ngành Kế toán	Triết lý giáo dục của Trường Đại học Đông Đô		
		Nhân văn	Sáng tạo	Thực nghiệp
32	Kế toán thương mại và dịch vụ	X	X	X
33	Phân tích báo cáo tài chính	X	X	X
34	Phân tích hoạt động kinh doanh	X	X	X
35	Kiểm toán cơ bản	X	X	X
36	Kế toán máy	X	X	X
37	Kiểm toán nội bộ	X	X	X
38	Tổ chức công tác kế toán	X	X	X
39	Thực hành kế toán trên excel	X	X	X
40	Kế toán ngân hàng	X	X	X
41	Tiếng Anh chuyên ngành 1	X	X	X
42	Tiếng Anh chuyên ngành 2	X	X	X
43	Thực hành kế toán tổng hợp	X	X	X
44	Đạo đức nghề nghiệp	X	X	X
	<b>Kiến thức ngành, chuyên ngành tự chọn</b>			
45	Văn bản quy định kế toán	X	X	X
46	Tài chính quốc tế	X	X	X
47	Tín dụng ngân hàng	X	X	X
48	Kế toán doanh nghiệp nhỏ và vừa	X	X	X

STT	Chương trình đào tạo ngành Kế toán	Triết lý giáo dục của Trường Đại học Đông Đô		
		Nhân văn	Sáng tạo	Thực nghiệp
<b>3. Thực tập, khóa luận/đồ án tốt nghiệp</b>				
49	Thực tập ngành nghề	x	x	x
50	Khóa luận tốt nghiệp/Học phần thay thế*	x	x	x
51	Quản trị học	x	x	x
52	Hệ thống thông tin kế toán	x	x	x

Chuẩn đầu ra của CTĐT (PLOs)		Nhân văn	Sáng tạo	Thực nghiệp
<b>CĐR về kiến thức</b>				
<b>Khối kiến thức đại cương</b>				
PLO1 K	Dưới góc độ triết học, hiểu được thế giới quan, nhân sinh quan đúng đắn và có khả năng nhận thức, đánh giá các hiện tượng, sự vật đúng, khách quan, khoa học, hiểu được kiến thức cơ bản về lý luận chính trị, khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, chính sách pháp luật, an ninh quốc phòng, vận dụng kiến thức đó vào hoạt động thực tiễn.	x	x	x
PLO.2 K	Tin học ứng dụng và đạt chuẩn ứng dụng CNTT cơ bản theo Thông tư 03/2014/TT-BTTTT. Vận dụng kiến thức nền tảng của khối ngành và cơ sở ngành về kinh tế, tài chính – tiền tệ, kế toán, thống kê, quản trị, pháp luật kinh tế và các kiến thức nền tảng	x	x	x

Chuẩn đầu ra của CTĐT (PLOs)		Nhân văn	Sáng tạo	Thực nghiệp
	khác vào việc giải quyết các vấn đề có liên quan đến hoạt động của các doanh nghiệp và các tổ chức kinh tế, xã hội khác.			
Khối kiến thức cơ sở ngành				
PLO3 K	+ Vận dụng kiến thức khoa học cơ bản, kiến thức lý thuyết và thực tế chuyên ngành để giải quyết các vấn đề thuộc lĩnh vực kế toán - kiểm toán.	X	X	X
PLO4 K	+ Thể hiện tư duy phản biện, tư duy hệ thống; đổi mới sáng tạo; tổ chức và quản lý hoạt động chuyên môn của lĩnh vực kế toán - kiểm toán; thể hiện sự chủ động trong việc lập kế hoạch và định hướng nghề nghiệp; có tinh thần khởi nghiệp.	X	X	X
Khối kiến thức chuyên ngành				
PLO5 K	Chuyên ngành Tài chính: Vận dụng kiến thức chuyên ngành để thực hiện tốt các nghiệp vụ quản trị trong doanh nghiệp: Quản trị chi phí, doanh thu, lợi nhuận; quản trị đầu tư; quản trị vốn kinh doanh; quản trị việc huy động vốn và các quản trị tài chính khác của doanh nghiệp.	X	X	X
PLO6 K	<b>Chuyên ngành Kế toán:</b> Hiểu rõ luật pháp, chuẩn mực kế toán của Việt Nam và quốc tế. Nắm vững phương pháp, kỹ thuật thu thập và xử lý thông tin, phân tích báo cáo tài chính đáp ứng các nhu cầu khác nhau của người sử dụng thông tin ở trong	X	X	X

<b>Chuẩn đầu ra của CTĐT (PLOs)</b>	<b>Nhân văn</b>	<b>Sáng tạo</b>	<b>Thực nghiệp</b>	
<p>và ngoài doanh nghiệp phù hợp với chuẩn mực kế toán và yêu cầu của luật pháp.</p> <p>Biết cách thiết kế, phân tích, đánh giá và sử dụng thông tin kế toán để trợ giúp các nhà quản trị ra quyết định quản trị, điều hành doanh nghiệp hiệu quả.</p> <p>Nắm vững kiến thức về tổ chức hệ thống kế toán gồm: tổ chức quy trình kế toán; tổ chức chứng từ, tài khoản, sổ kế toán, các báo cáo kế toán chi tiết và tổng hợp đáp ứng yêu cầu quản lý của doanh nghiệp và các đơn vị hành chính sự nghiệp. Biết cách ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động kế toán.</p>				
<b>Kỹ năng</b>				
<b>Kỹ năng nghề nghiệp</b>				
PL07	<p>Thành thạo lập, trình bày báo cáo kế toán và các văn bản hành chính trong doanh nghiệp. Sử dụng thành thạo máy tính và các ứng dụng tin học văn phòng.</p> <p>Kỹ năng thiết lập các tiêu chí đánh giá. Kỹ năng tiếp nhận đánh giá và phản hồi các ý tưởng, quan điểm.</p> <p>Kỹ năng giao tiếp tốt, biết cách trình bày, trao đổi và bảo vệ quan điểm. Biết cách truyền đạt và tiếp thu kiến thức. Có kỹ năng làm việc nhóm, đàm phán với đối tác, hợp tác với đồng nghiệp.</p>			

Chuẩn đầu ra của CTĐT (PLOs)		Nhân văn	Sáng tạo	Thực nghiệp
PLO8 S	Nắm vững kiến thức về kiểm toán doanh nghiệp: luật pháp; đạo đức và tôn chỉ nghề nghiệp; tổ chức thu thập thông tin; quy trình; báo cáo; hệ thống kiểm soát nội bộ; kiểm toán trong điều kiện ứng dụng công nghệ thông tin.	X	X	X
PLO9 S	Thuần thực sử dụng kiến thức kinh tế, tài chính ngân hàng đặc biệt là các phân tích hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, có khả năng sử dụng ngôn ngữ tiếng Anh tối thiểu đạt trình độ B1 theo KNLNN Việt Nam và hoặc ngoại ngữ khác ở mức độ cơ bản để giải quyết vấn đề trong hoạt động nghề nghiệp.	X	X	X
<b>Kỹ năng giao tiếp ứng xử</b>				
PLO10 S	Có kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm; phương pháp khoa học và chuyên nghiệp, tư duy hệ thống, phản biện và tư duy phân tích, có kỹ năng thuyết trình, giao tiếp, dẫn dắt, khởi nghiệp và chủ động hội nhập.	X	X	X
<b>Thái độ và mức tự chủ và chịu trách nhiệm</b>				
PLO11 A	Có phương pháp, thái độ làm việc khoa học, tư duy sáng tạo, sẵn sàng hợp tác, giúp đỡ, chia sẻ kinh nghiệm, lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động trong lĩnh vực tài chính	X	X	X

Chuẩn đầu ra của CTĐT (PLOs)		Nhân văn	Sáng tạo	Thực nghiệp
PLO12 A	Thực hiện dẫn dắt, khởi nghiệp, tạo việc làm cho mình và cho người khác trong lĩnh vực công tài chính	X	X	X

## 2.2 Tâm nhìn và sứ mạng về chương trình đào tạo ngành Kế toán

### - Triết lý giáo dục:

Khoa kinh tế - ngành Kế toán kiên trì theo đuổi những quan điểm, tư tưởng chủ đạo, cốt lõi trong giáo dục: " Nhân văn - Sáng tạo – Thực nghiệp"

### - Tâm nhìn:

Khoa kinh tế chung tay xây dựng Trường Đại học Đông Đô là trường đại học uy tín, đào tạo đa ngành, liên ngành đạt tiêu chuẩn kiểm định vào năm 2030; trở thành đại học tự chủ, có hệ thống quản lý hiện đại gắn liền với chuyển đổi số trong đào tạo, NCKH và các hoạt động cộng đồng; trở thành đại học thông minh vào năm 2045.

### - Sứ mạng:

Khoa kinh tế, Ngành Kế toán Trường Đại học Đông Đô cung cấp cho xã hội nguồn nhân lực chất lượng cao, các nghiên cứu có tầm ảnh hưởng, cùng với dịch vụ tư vấn và hoạt động phục vụ cộng đồng trong lĩnh vực kinh tế, kinh doanh- quản lý, tiên phong xây dựng môi trường giáo dục tiên tiến, văn minh, mang đến cơ hội học tập liên tục, khai phóng sự sáng tạo và phát triển con người toàn diện.

### - Giá trị cốt lõi:

Sáng tạo: Khoa kinh tế luôn tiên phong trong đổi mới sáng tạo

Trách nhiệm: Khoa kinh tế đề cao tinh thần trách nhiệm với tập thể, xã hội và cộng đồng

Liêm chính: Khoa Kinh tế đề cao tính chính trực, công bằng, minh bạch trong mọi hoạt động

Tôn trọng: Khoa kinh tế luôn hướng tới một môi trường sư phạm văn minh, tin cậy, tôn trọng sự đa dạng về chuyên môn, văn hóa và tính cách

Hợp tác: Khoa kinh tế mong muốn hợp tác với tất cả các đối tác trong và ngoài nước trên tinh thần chia sẻ, hỗ trợ, tôn trọng, trách nhiệm vì mục tiêu phát triển và cùng có lợi

## 2.3 Mục tiêu của chương trình đào tạo

### 2.3.1 Mục tiêu chung

Đào tạo người học có phẩm chất chính trị, đạo đức, sức khỏe; có kiến thức toàn diện về kế toán, kiểm toán; kỹ năng thực hành nghề nghiệp; năng lực nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ và khả năng sử dụng tiếng Anh tương xứng với trình độ đào tạo bậc cử nhân ngành kế toán; có khả năng học tập suốt đời; có khả năng sáng tạo và thích nghi với môi trường làm việc; có đạo đức, trách nhiệm nghề nghiệp và ý thức phục vụ cộng đồng, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh; hội nhập quốc tế và kiến tạo tương lai.

### 2.3.2 Mục tiêu cụ thể : (Programme Objectives – Gọi tắt là POs)

**PO1:** (K) Phân tích và áp dụng được vào thực tiễn những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng, đạo đức, giá trị văn hóa Hồ Chí Minh và những nội dung cơ bản của đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam; Có kỹ năng cơ bản trong lĩnh vực thể dục thể thao, an ninh quốc phòng, trình độ ngoại ngữ thứ 2 tối thiểu đạt bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam.

**PO2:** (K) Xác định, trình bày được kiến thức về kế toán, kiểm toán để nghiên cứu, thực hành nghề nghiệp thành thạo, phân tích, lập kế hoạch, tư vấn để thực hành và quản lý hiệu quả trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán. Nắm vững kiến thức cơ bản về chuyên môn, nghiệp vụ kế toán, có tri thức về quản lý tài chính cho doanh nghiệp, tri thức về kế toán kiểm toán, kế toán ngân hàng, kế toán thuế và kế toán công.

**PO3:** (S) Thực hiện được các nghiệp vụ kế toán phục vụ kinh doanh, kỹ năng phát hiện và giải quyết các vấn đề thuộc lĩnh vực kế toán, kiểm toán. Có tư duy phản biện, sáng tạo trong hoạt động nghề nghiệp kế toán, sử dụng tiếng Anh và tin học văn phòng. Xây dựng được chiến lược phát triển của tổ chức, cân đối tính toán thu chi hợp lý, quản lý tốt vấn đề tài chính. Hoạch định các chính sách tín dụng ngân hàng, chính sách kế toán kiểm toán, kế toán thuế, kế toán công, kế toán doanh nghiệp.

**PO4 (S)** Thành thạo mọi công việc chuyên sâu về kế toán, thành thực các kỹ năng, nghiệp vụ và làm được tất cả các công việc chủ chốt về tài chính của một tập đoàn, doanh nghiệp, một bộ máy, một cơ sở sản xuất ... đủ điều kiện tiếp tục học tập ở trình độ cao hơn (Thạc sĩ, Tiến sĩ) và có điều kiện học liên thông sang các chuyên ngành khác; khả năng tự học, nghiên cứu và phát triển ngành tài chính – ngân hàng trong tương lai, trải nghiệm, đổi mới và học tập suốt đời.

**PO5:** (S) Đạt trình độ Ngoại ngữ theo chuẩn Tiếng Anh cho các ngành không chuyên ngoại ngữ của Trường Đại học Đông Đô (tương đương TOEIC 450); có khả năng đọc hiểu

**PO6: (A)** Có phẩm chất đạo đức tốt, có trách nhiệm với xã hội, có năng lực tự chủ và tự chịu trách nhiệm: Chủ động và sáng tạo trong công việc chuyên môn, khởi nghiệp tạo việc làm cho bản thân và người khác trong lĩnh vực kế toán.

### 3. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

**Bảng 1. Chuẩn đầu ra (CĐR) của CTĐT**

<b>Chuẩn đầu ra</b>	<b>Mô tả chuẩn đầu ra</b>	<b>Mức năng lực</b>
<b>1. Kiến thức</b>		
<b>1.1.</b>	<b>Kiến thức giáo dục đại cương</b>	
PLO1 (K)	Dưới góc độ triết học, hiểu được thế giới quan, nhân sinh quan đúng đắn và có khả năng nhận thức, đánh giá các hiện tượng, sự vật đúng, khách quan, khoa học, hiểu được kiến thức cơ bản về lý luận chính trị, khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, chính sách pháp luật, an ninh quốc phòng, vận dụng kiến thức đó vào hoạt động thực tiễn.	K3/5
PLO2 (K)	Tin học ứng dụng và đạt chuẩn ứng dụng CNTT cơ bản theo Thông tư 03/2014/TT-BTTTT. Vận dụng kiến thức của công nghệ thông tin vào thực hành kế toán trên máy tính, tăng hiệu quả truyền thông, ngoại ngữ (3/6). Vận dụng các kiến thức nền tảng của khối ngành và cơ sở ngành về kinh tế, tài chính – tiền tệ, kế toán, thống kê, quản trị, pháp luật kinh tế và các kiến thức nền tảng khác vào việc giải quyết các vấn đề có liên quan đến hoạt động kế toán của các doanh nghiệp và các tổ chức kinh tế, xã hội khác.	K3/5
<b>1.2.</b>	<b>Kiến thức cơ sở ngành</b>	
PLO3 (K)	Vận dụng kiến thức kế toán - tài chính vào việc phân tích tình hình tài chính doanh nghiệp và lập kế hoạch tài chính của doanh nghiệp.	K3 /5

PLO4 (K)	Vận dụng kiến thức nguyên lý kế toán, thống kê kinh tế, luật kinh tế...vào việc phân tích các hoạt động kinh doanh, thị trường chứng khoán, và lập kế hoạch kinh doanh của doanh nghiệp	K3/5
<b>1.3. Kiến thức chuyên ngành</b>		
PLO5 (K)	Nhận dạng kiến thức chuyên ngành để thực hiện tốt các nghiệp vụ quản trị kế toán trong doanh nghiệp: Tài chính doanh nghiệp, thuế và kế toán thuế, kế toán quản trị, Kế toán tài chính, kế toán quốc tế, kế toán hành chính sự nghiệp ...	K4/5
PLO6 (K)	Vận dụng kiến thức để thực hiện tốt các nghiệp vụ trong hoạt động kinh doanh của ngân hàng thương mại và tổ chức tín dụng khác: Phân tích báo cáo tài chính, phân tích hoạt động kinh doanh, kiểm toán, thực hành kế toán tổng hợp, kế toán các nước tiên tiến	K4/5
<b>2. Kỹ năng</b>		
<b>2.1. Kỹ năng nghề nghiệp</b>		
PLO7 (S)	Thực hiện được các nghiệp vụ kế toán chủ yếu phát sinh trong quá trình quản trị của doanh nghiệp.	S3/5
PLO8 (S)	Thực hiện được các nghiệp vụ chủ yếu phát sinh trong quá trình hoạt động của doanh nghiệp và tổ chức tín dụng khác, thành thạo lập, trình bày báo cáo kế toán và các văn bản hành chính trong doanh nghiệp. Sử dụng thành thạo máy tính và các ứng dụng tin học văn phòng.	S3/5
PLO9 (S)	Thực hiện được việc phân tích tình hình tài chính của doanh nghiệp, hoạt động kinh doanh của ngân hàng thương mại và tổ chức tín dụng khác. Có khả năng sử dụng ngôn ngữ tiếng Anh tối thiểu đạt trình độ B1 theo KNLNN Việt Nam và hoặc ngoại ngữ khác ở mức độ cơ bản để giải quyết vấn đề trong hoạt động nghề nghiệp.	S3/5

<b>2.2. Kỹ năng giao tiếp ứng xử</b>		
PLO10 (S)	Có kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm; phương pháp khoa học và chuyên nghiệp, tư duy hệ thống, phản biện và tư duy phân tích, có kỹ năng thuyết trình, giao tiếp, dẫn dắt, khởi nghiệp và chủ động hội nhập.	S4/5
<b>2.3. Thái độ, mức tự chủ và chịu trách nhiệm</b>		
PLO11 (A)	Thể hiện ý thức trách nhiệm tuân thủ pháp luật, đạo đức nghề nghiệp có phương pháp, thái độ làm việc khoa học, tư duy sáng tạo, sẵn sàng hợp tác, giúp đỡ, chia sẻ kinh nghiệm, lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán, tài chính.	A3/4
PLO12 (A)	Phát triển được năng lực tự chủ, tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân; lập kế hoạch, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động, có khả năng tự học, tự nghiên cứu, thích nghi với sự thay đổi của môi trường làm việc, hình thành tinh thần khởi nghiệp; thể hiện nguyện vọng và ý chí không ngừng học hỏi vươn lên.	A3/4

**Bảng 2. Quan hệ giữa Mục tiêu đào tạo và Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo**

Mục tiêu đào tạo (POs)	CDR của CTĐT (PLOs)		
	K (kiến thức)	S (Kỹ năng)	A Thái độ/mức tự chủ và trách nhiệm

	PL O1	PLO 2	PLO 3	PL O4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8	PLO 9	PLO 10	PLO 11	PLO 12
PO1	K3	K3										
PO2			K3	K3	K4	K4						
PO3							S3	S3	S3	S4		
PO4							S3	S3	S3	S4		
PO5							S3	S3	S3	S4		
PO6											A3	A3

**Bảng 3. Mối quan hệ giữa CDR của CTĐT với khung trình độ Quốc gia**

TT	K Kiến thức					S Kỹ năng					A Mức tự chủ và trách nhiệm			
	K1	K2	K3	K4	K5	S1	S2	S3	S4	S5	A1	A2	A3	A4
PLO1			x											
PLO2			x											
PLO3			x											
PLO4			x											
PLO5				X										
PLO6				x										
PLO7								x						
PLO8								x						

TT	K Kiến thức					S Kỹ năng					A Mức tự chủ và trách nhiệm			
	K1	K2	K3	K4	K5	S1	S2	S3	S4	S5	A1	A2	A3	A4
PLO9								x						
PLO10									x					
PLO11													x	
PLO12													x	

#### 4. VỊ TRÍ LÀM VIỆC CỦA SINH VIÊN SAU KHI TỐT NGHIỆP.

Sinh viên tốt nghiệp Chương trình Cử nhân ngành Kế toán có khả năng làm việc tại các tổ chức như sau: Bộ phận Kế toán, Tài chính, Kiểm toán nội bộ, Kiểm soát, tư vấn ... tại các doanh nghiệp hoặc tập đoàn kinh tế, Ngân hàng các cơ quan nhà nước và các đơn vị công, các tổ chức phi chính phủ.....; Kiểm toán viên hoặc các đảm nhận các công việc chuyên môn khác (tư vấn thuế, tài chính,...) tại các công ty kiểm toán, dịch vụ kế toán, tư vấn tài chính - kế toán; Chuyên viên tham gia xây dựng chính sách hoặc việc quản lý giám sát nhà nước các hoạt động kế toán - kiểm toán tại Bộ Tài Chính, Ngân hàng nhà nước và các cơ quan quản lý nhà nước khác; Giảng viên hoặc nghiên cứu viên tại các Viện nghiên cứu, trường Đại Học. Các vị trí tiêu biểu có thể đảm nhiệm:

- + Chuyên viên kế toán (kế toán tài chính, kế toán quản trị, kế toán thuế)
- + Trợ lý kiểm toán
- + Chuyên viên kiểm toán nội bộ hoặc kiểm soát nội bộ
- + Chuyên viên tư vấn tài chính, kế toán hoặc thuế
- + Chuyên viên trong lĩnh vực kế toán - tài chính tại các cơ quan quản lý nhà nước (Thanh tra viên, làm chính sách...),
- + Nghiên cứu viên, giảng viên về lĩnh vực kế toán - kiểm toán

## 5. ĐỐI SÁNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

STT	Nội dung so sánh	ĐH Đông Đô	CÁC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO SO SÁNH	
			Học viện ngân hàng	Trường ĐH Kinh tế
1	Thời gian đào tạo	4 năm	4 năm	4 năm
2	Khối lượng kiến thức toàn khóa	141	140	142
3	Cấu trúc của chương trình	129	128	130
4	Khối kiến thức			
4.1	Kiến thức giáo dục đại cương	30	33	43
4.2	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	95	95	87
	Trong đó:			
4.2.1	Kiến thức cơ sở ngành	22	18	12
4.2.2	Kiến thức chuyên ngành	68	69	65
4.2.3	Thực tập	4	3	3
4.2.4	Khóa luận tốt nghiệp	6	5	6

### BẢNG ĐỐI SÁNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Chương trình đào tạo ngành **Kế toán** của trường Đại học Đông Đô được đối sánh với chương trình đào tạo của các trường Đại học cùng ngành làm cơ sở đánh giá, cải tiến, phát triển chương trình như: Chương trình đào tạo cử nhân **Kế toán** của Trường Đại học Học viện ngân hàng (<https://hocviennganhang.nh.edu.vn>)

#### 5.1 Đối sánh chương trình đào tạo

TT	Trường đại học Đông Đô 141 TC		Trường đại học Học viện ngân hàng 135 TC		University .....		Tỷ lệ giống nhau
	Khối kiến thức / tên học phần	Số TC	Khối kiến thức / tên học phần	Số TC	Khối kiến thức / tên học phần	Số TC	
I.	Kiến thức giáo dục đại cương		Kiến thức giáo dục đại cương		Thời lượng  Không phân các loại kiến thức đại cương hay chuyên nghiệp		
1.	Lý luận Mác – Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh	9	Lý luận Mác – Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh	12			
1.1	Triết học Mác – Lê nin	3	Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác- Lênin I	3			x
1.2	Kinh tế chính trị Mác – Lê nin	2	Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác- Lênin II	3			x
1.3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	3			x
1.4	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3			x

TT	Trường đại học Đông Đô 141 TC		Trường đại học Học viện ngân hàng 135 TC		University .....		Tỷ lệ giống nhau
	Khối kiến thức / tên học phần	Số TC	Khối kiến thức / tên học phần	Số TC	Khối kiến thức / tên học phần	Số TC	
2.	Kiến thức xã hội - nhân văn	2	Kiến thức xã hội - nhân văn - Không phân	6	Social Science Courses - không phân		
2.1	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	Lịch sử kinh tế quốc dân	3			
2.2			Lịch sử học thuyết kinh tế	3			
3.	Ngoại ngữ	9	Ngoại ngữ	12	Language Courses		
3.1	Ngôn ngữ Anh 1	3	Tiếng Anh I	3			x
3.2	Ngôn ngữ Anh 2	3	Tiếng Anh II	3			x
3.3	Ngôn ngữ Anh 3	3	Tiếng Anh III	3			x
3.4				3			x
4.	Tin học	4	Tin học đại cương	3	Elective courses		
4.1	Tin học đại cương	2	Năng lực số ứng dụng	3			x
4.2	Pháp luật đại cương	3	Pháp luật đại cương	3			x
4.3	Xác suất thống kê	2	Thống kê doanh nghiệp	3			x

TT	Trường đại học Đông Đô 141 TC		Trường đại học Học viện ngân hàng 135 TC		University .....		Tỷ lệ giống nhau
	Khối kiến thức / tên học phần	Số TC	Khối kiến thức / tên học phần	Số TC	Khối kiến thức / tên học phần	Số TC	
4.4	Kỹ năng giao tiếp & TT	2	Kỹ năng giao tiếp & TT	3	Soft skills		x
5.							
6.	<b>Giáo dục thể chất</b>	4	<b>Giáo dục thể chất</b>	3	<b>Physical Education</b>		x
7.	<b>Giáo dục quốc phòng</b>	11	<b>Giáo dục quốc phòng</b>	11	<b>Defense Education</b>		x
II.	<b>Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp</b>	85	<b>Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp</b>		<b>Specialized courses</b>		
1.	<b>Kiến thức cơ sở</b>	16	<b>Kiến thức cơ sở</b>	18	<b>Core courses</b>		
1.1	Toán cao cấp	2	Toán kinh tế I	3			x
1.2	Kinh tế vi mô	3	Kinh tế vi mô	3			x
1.3	Kinh tế vĩ mô	2	Kinh tế vĩ mô	3			x
1.4	Nguyên lý kế toán	3	Nguyên lý kế toán	3	Tài chính TT		x
1.5	Nguyên lý Thống kê	3	Nguyên lý thống kê	3			x
1.6	Pháp luật kinh tế	3	Pháp luật kinh tế	3			x
2.	<b>Kiến thức ngành</b>	59	<b>Kiến thức ngành</b>	3	<b>Major core courses</b>		

TT	Trường đại học Đông Đô 141 TC		Trường đại học Học viện ngân hàng 135 TC		University .....		Tỷ lệ giống nhau
	Khối kiến thức / tên học phần	Số TC	Khối kiến thức / tên học phần	Số TC	Khối kiến thức / tên học phần	Số TC	
2.1	Tài chính doanh nghiệp	3	Tài chính doanh nghiệp 1	3			x
2.2	Thuế và kế toán thuế	3	Hệ thống thông tin quản lý	3			
2.3	Kế toán quản trị	3	Kế toán quản trị I	3			x
2.4	Kế toán tài chính 1	3	Kế toán tài chính 1	3			x
2.5	Kế toán tài chính 2	3	Kế toán tài chính II	3			x
2.6	Kế toán quốc tế	2	Giao dịch thương mại quốc tế	3			x
2.7	Kinh tế quốc tế	2	Hệ thống thông tin kế toán	3			
2.8	Kế toán hành chính sự nghiệp	3	Ngân hàng thương mại	3			
2.9	Kế toán xây dựng cơ bản	3	Tài chính doanh nghiệp II	3			
2.10	Kế toán thương mại và dịch vụ	3	Kế toán tài chính III	3			x
2.11	Phân tích báo cáo tài chính	3	Phân tích tài chính doanh nghiệp	3			x
2.12	Phân tích hoạt động kinh doanh	3	Phân tích tài chính doanh nghiệp I	3			x

TT	Trường đại học Đông Đô 141 TC		Trường đại học Học viện ngân hàng 135 TC		University .....		Tỷ lệ giống nhau
	Khối kiến thức / tên học phần	Số TC	Khối kiến thức / tên học phần	Số TC	Khối kiến thức / tên học phần	Số TC	
1.13	Kiểm toán cơ bản	2	Kiểm toán căn bản	3			x
2.14	Kế toán máy	4	Kế toán quản trị II	3			
2.15	Kiểm toán nội bộ	3	Kiểm toán tài chính I <u>, Kiểm toán tài chính II</u> _____	3			x
2.16	Tổ chức công tác kế toán	2	Tổ chức công tác kế toán trong môi trường công nghệ	3			x
2.17	Thực hành kế toán trên excel	4	Kế toán tài chính III	3			x
2.18	Kế toán ngân hàng	3	Kế toán công	3			
2.19	Tiếng Anh chuyên ngành 1	3	Các vấn đề kế toán đương đại	3			
2.20	Tiếng Anh chuyên ngành 2	3	Ke toán quốc tế	3			
2.21	Thực hành kế toán tổng hợp	3	Kiểm soát quản lý	3			
2.22	Văn bản quy định kế toán	2	Kiểm toán hoạt động	3			
2.23	Nguyên lý kế toán Mỹ	2	Các vấn đề kế toán đương đại	3			x

TT	Trường đại học Đông Đô 141 TC		Trường đại học Học viện ngân hàng 135 TC		University .....		Tỷ lệ giống nhau
	Khối kiến thức / tên học phần	Số TC	Khối kiến thức / tên học phần	Số TC	Khối kiến thức / tên học phần	Số TC	
2.25	Kế toán doanh nh nghiệp nhỏ và vừa	2	Kế toán công				x
			Giao tiếp trong kinh doanh				
			Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp				
			Nguyên lý thẩm định giá tài sản				
			Hệ thống thông tin kế toán				
	<b>Kiến thức bổ trợ</b>		<b>Kiến thức bổ trợ</b>				
<b>III.</b>	<b>Thực tập và tốt ngh nghiệp</b>	<b>10</b>	<b>Thực tập và tốt ngh nghiệp</b>	<b>8</b>	<b>Bachelor's Thesis</b>		x
	Khóa luận tốt ngh nghiệp		Khoá luận tốt ngh nghiệp				x
	Học phần thay thế		Thực hành phần mềm giao dịch ngân hàng				x

## 5.2 Nhận xét:

Chương trình đào tạo ngành **Kế toán** của trường Đại học Đông Đô có tỷ lệ tương đồng cao so với khung chương trình đào tạo Ngành Kế toán của Trường Học viện Ngân hàng và có tỷ lệ tương đồng là 90 %.

Đây là cơ sở để Ngành **Kế toán** trường Đại học Đông Đô xây dựng Chương trình đào tạo cho những năm học sau.



## 6. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

### 6.1 Cấu trúc của chương trình đào tạo

6.1.1. Bảng 4 Mối quan hệ giữa các khối học phân với chuẩn đầu ra của CTĐT

Bảng 5 Mối quan hệ giữa các khối học phân với chuẩn đầu ra của CTĐ

Các khối học phân	Số TC	Tỷ lệ %	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo															
			K						S						A			
			PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10	PLO11	PLO12				
Khối kiến thức giáo dục đại cương	30	322,83%	K3	K3							S3	S3	S3	S4			A3	A3
Khối kiến thức cơ sở ngành	21	16,53%			K3	K3					S3	S4	S3	S4			A3	A3
Khối kiến thức chuyên ngành	68	48,03%					K4			K4	S3	S3	S3	S4			A3	A3

Các khối học phần	Số TC	Tỷ lệ %	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo													
			K						S						A	
			PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10	PLO11	PLO12		
Thực tập & Khóa luận tốt nghiệp	10	7,87 %					K4			K4	S3	S3	S3	S4	A3	A3
<b>Tổng</b>	<b>129</b>	<b>100%</b>														

## 6.2 Danh sách học phần

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Phân bố số giờ	
				Lý thuyết	Thực hành/ Tự luận/ Thí nghiệm
		6.2.1. Khối kiến thức giáo dục đại cương			
		Kiến thức giáo dục đại cương bắt buộc	129		
1	7GDCC001	Triết học Mác – Lênin	3	3	0

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Phân bố số giờ	
				Lý thuyết	Thực hành/ Tự luận/ Thí nghiệm
2	7GDC002	Kinh tế chính trị - Mác Lênin	2	2	0
3	7GDC003	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2	0
4	7GDC004	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	0
5	7GDC005	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2	0
6	7GDC007	Ngôn ngữ Anh 1	3	2	1
7	7GDC008	Ngôn ngữ Anh 2	3	2	1
8	7GDC009	Ngôn ngữ Anh 3	3	2	1
9	7GDC019	Tin học đại cương	2	1	2
10	7GDC006	Pháp luật đại cương	2	2	0
11	7GDC028	Xác suất thống kê	2	2	0
12	7GDC032	Kỹ năng giao tiếp & thuyết trình	3	2	1

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Phân bố số giờ	
				Lý thuyết	Thực hành/ Tự luận/ Thí nghiệm
<b>6.2.2. Giáo dục an ninh quốc phòng, thể chất</b>					
	7GDAQ001	Giáo dục Quốc phòng - An ninh	8		
	7GDTC002	Giáo dục thể chất	4		
<b>6.2.3. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp</b>					
<i>Kiến thức cơ sở ngành bắt buộc</i>					
13	7KET001	Toán cao cấp	2	2	0
14	7GDCC025	Kinh tế vi mô	3	2	1
15	7GDCC024	Kinh tế vĩ mô	2	1	1
16	7KET002	Nguyên lý kế toán	3	2	1
17	7KET003	Nguyên lý Thống kê	3	1	1
18	7GDCC038	Pháp luật kinh tế	3	2	1

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Phân bố số giờ	
				Lý thuyết	Thực hành/ Tự luận/ Thí nghiệm
<b>Kiến thức cơ sở ngành tự chọn</b>					
19	7KET004	Phân tích thị trường chứng khoán	2	1	1
20	7GDC037	Marketing căn bản	2	1	1
21	7QKD004	Tâm lý học kinh doanh	2	2	0
22	7KET006	Thương mại quốc tế	2	2	0
<b>Kiến thức ngành, chuyên ngành bắt buộc</b>					
23	7KET007	Tài chính doanh nghiệp	3	2	1
24	7KET008	Thuế và kế toán thuế	3	2	1
25	7KET009	Kế toán quản trị	3	2	1
26	7KET010	Kế toán tài chính 1	3	2	1
27	7KET011	Kế toán tài chính 2	3	2	1
			<b>64</b>	<b>33</b>	<b>24</b>

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Phân bố số giờ	
				Lý thuyết	Thực hành/ Tự luận/ Thi nghiệm
28	7KET012	Kế toán quốc tế	2	1	1
29	7KET013	Kinh tế quốc tế	2	2	0
30	7KET014	Kế toán hành chính sự nghiệp	3	2	1
31	7KET015	Kế toán xây dựng cơ bản	3	2	1
32	7KET016	Kế toán thương mại và dịch vụ	3	2	1
33	7KET017	Phân tích báo cáo tài chính	3	2	1
34	7KET018	Phân tích hoạt động kinh doanh	3	2	1
35	7KET019	Kiểm toán cơ bản	2	1	1
36	7KET020	Kế toán máy	4	0	4
37	7KET021	Kiểm toán nội bộ	3	2	1
38	7KET022	Tổ chức công tác kế toán	2	1	1

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Phân bố số giờ	
				Lý thuyết	Thực hành/ Tự luận/ Thí nghiệm
39	7KET023	Thực hành kế toán trên excel	4	0	3
40	7KET024	Kế toán ngân hàng	3	2	1
41	7KET026	Tiếng Anh chuyên ngành 1	3	2	1
42	7KET027	Tiếng Anh chuyên ngành 2	3	2	1
43	7KET028	Thực hành kế toán tổng hợp	3	1	2
44	7GDC043	Đạo đức nghề nghiệp	3	1	1
<b>Kiến thức ngành, chuyên ngành tự chọn</b>					
			<b>4/8</b>	<b>4</b>	<b>4</b>
45	7KET029	Văn bản quy định kế toán	2	1	1
46	7TCN005	Tài chính quốc tế	2	0	2
47	7TCN017	Tin dụng ngân hàng	2	2	0
48	7KET032	Kế toán DN nhỏ và vừa	2	1	1

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Phân bố số giờ	
				Lý thuyết	Thực hành/ Tự luận/ Thi nghiệm
<b>6.2.3. Tốt nghiệp/ khóa luận/ học thay thế KL</b>					
49	7KET033	<i>Thực tập ngành nghề</i>	4	0	4
50	7KET034	<i>Khóa luận tốt nghiệp</i>	6	5	6
51	7KET035	Quản trị học	3	2	0
52	7KET036	Hệ thống thông tin kế toán	3	3	0
		<b>Tổng</b>	<b>129</b>		

### 6.3 Phân nhiệm giữa các học phần và CDR của CTĐ

Phân nhiệm giữa các học phần và CDR của CTĐT được thể hiện trong Bảng 5

STT	Mã học phần	Tên học phần	K							S				A		
			PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10	PLO11	PLO12		
<b>6.3.1. Kiến thức giáo dục đại cương</b>																
1	7GDC001	Triết học Mác – Lênin	K3	K3							S3	S3	S3	S4	A3	A3
2	7GDC002	Kinh tế chính trị - Mác Lênin	K3	K3							S3	S3	S3	S4	A3	A3
3	7GDC003	Chủ nghĩa xã hội khoa học	K3	K3							S3	S3	S3	S4	A3	A3
4	7GDC004	Tư tưởng Hồ Chí Minh	K3	K3							S3	S3	S3	S4	A3	A3
5	7GDC005	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	K3	K3							S3	S3	S3	S4	A3	A3
6	7GDC007	Ngôn ngữ Anh 1	K3	K3							S3	S3	S3	S4	A3	A3



STT	Mã học phần	Tên học phần	K									S			A			
			PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10	PLO11	PLO12				
	7GDT002	Giáo dục thể chất																
<b>6.3.2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp</b>																		
<b>Kiến thức cơ sở ngành bắt buộc</b>																		
13	7KET001	Toán kinh tế			K3	K3					S3	S3	S3	S3	S4	S4	A3	A3
14	7GĐC025	Kinh tế vi mô			K3	K3					S3	S3	S3	S3	S4	S4	A3	A3
15	7GĐC024	Kinh tế vĩ mô			K3	K3					S3	S3	S3	S3	S4	S4	A3	A3
16	7KET002	Nguyên lý kế toán			K3	K3					S3	S3	S3	S3	S4	S4	A3	A3
17	7KET003	Thống kê kinh tế			K3	K3					S3	S3	S3	S3	S4	S4	A3	A3
18	7GĐC038	Pháp luật kinh tế			K3	K3					S3	S3	S3	S3	S4	S4	A3	A3

STT	Mã học phần	Tên học phần	K								S				A	
			PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10	PLO11	PLO12		
<b>Kiến thức cơ sở ngành tự chọn</b>																
19	7KET004	Phân tích thị trường chứng khoán			K3	K3					S3	S3	S3	S4	A3	A3
20	7GĐC037	Marketing căn bản			K3	K3					S3	S3	S3	S4	A3	A3
21	7QKD004	Tâm lý học kinh doanh			K3	K3					S3	S3	S3	S4	A3	A3
22	7KET006	Thương mại quốc tế			K3	K3					S3	S3	S3	S4	A3	A3
<b>Kiến thức chuyên ngành bắt buộc</b>																
23	7KET007	Tài chính doanh nghiệp					K4	K4			S3	S3	S3	S4	A3	A3

STT	Mã học phần	Tên học phần	K								S			A		
			PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10	PLO11	PLO12		
24	7KET008	Thuế và kế toán thuế					K4	K4	K4	S3	S3	S3	S3	S4	A3	A3
25	7KET009	Kế toán quản trị					K4	K4	K4	S3	S3	S3	S3	S4	A3	A3
26	7KET010	Kế toán tài chính 1					K4	K4	K4	S3	S3	S3	S3	S4	A3	A3
27	7KET011	Kế toán tài chính 2					K4	K4	K4	S3	S3	S3	S3	S4	A3	A3
28	7KET012	Kế toán quốc tế					K4	K4	K4	S3	S3	S3	S3	S4	A3	A3
29	7KET013	Kinh tế quốc tế					K4	K4	K4	S3	S3	S3	S3	S4	A3	A3
30	7KET014	Kế toán hành chính sự nghiệp					K4	K4	K4	S3	S3	S3	S3	S4	A3	A3

STT	Mã học phần	Tên học phần	K								S				A	
			PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10	PLO11	PLO12		
31	7KET015	Kế toán xây dựng cơ bản					K4	K4			S3	S3	S3	S4	A3	A3
32	7KET016	Kế toán thương mại và dịch vụ					K4	K4			S3	S3	S3	S4	A3	A3
33	7KET017	Phân tích báo cáo tài chính					K4	K4			S3	S3	S3	S4	A3	A3
34	7KET018	Phân tích hoạt động kinh doanh					K4	K4			S3	S3	S3	S4	A3	A3
35	7KET019	Kiểm toán cơ bản					K4	K4			S3	S3	S3	S4	A3	A3
36	7KET020	Kế toán máy					K4	K4			S3	S3	S3	S4	A3	A3
37	7KET021	Kiểm toán nội bộ					K4	K4			S3	S3	S3	S4	A3	A3

STT	Mã học phần	Tên học phần	K								S			A		
			PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10	PLO11	PLO12		
38	7KET022	Tổ chức công tác kế toán					K4	K4	K4	S3	S3	S3	S3	S4	A3	A3
39	7KET023	Thực hành kế toán trên excel					K4	K4	K4	S3	S3	S3	S3	S4	A3	A3
40	7KET024	Kế toán ngân hàng					K4	K4	K4	S3	S3	S3	S3	S4	A3	A3
41	7KET026	Tiếng Anh chuyên ngành 1					K4	K4	K4	S3	S3	S3	S3	S4	A3	A3
42	7KET027	Tiếng Anh chuyên ngành 2					K4	K4	K4	S3	S3	S3	S3	S4	A3	A3
43	7KET028	Thực hành kế toán tổng hợp					K4	K4	K4	S3	S3	S3	S3	S4	A3	A3

STT	Mã học phần	Tên học phần	K							S					A	
			PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10	PLO11	PLO12		
<b>Kiến thức chuyên ngành tự chọn</b>																
44	7KET029	Văn bản quy định kế toán					K4	K4	K4	S3	S3	S3	S3	S4	A3	A3
45	7TCN005	Tài chính quốc tế					K4	K4	K4	S3	S3	S3	S3	S4	A3	A3
46	7TCN017	Tín dụng ngân hàng					K4	K4	K4	S3	S3	S3	S3	S4	A3	A3
47	7KET032	Kế toán DN nhỏ và vừa					K4	K4	K4	S3	S3	S3	S3	S4	A3	A3
<b>6.2.3. Tốt nghiệp/ khóa luận/ học thay thế KL</b>																
48	7KET033	Thực tập ngành nghề					K4	K4	K4	S3	S3	S3	S3	S4	A3	A3
49	7KET034	Khóa luận tốt nghiệp					K4	K4	K4	S3	S3	S3	S3	S4	A3	A3

STT	Mã học phần	Tên học phần	K								S				A		
			PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10	PLO11	PLO12			
50	7KET035	Quản trị học					K4	K4	K4		S3	S3	S3	S3	S4	A3	A3
51	7KET036	Hệ thống thông tin kế toán					K4	K4	K4		S3	S3	S3	S3	S4	A3	A3

## 6.4 Kế hoạch giảng dạy

Học kỳ	Tổng số tín chỉ	STT	Mã HP	Tên HP	Số tín chỉ	Số giờ			Học phần			
						Lý thuyết	Thực hành/Thí nghiệm/Thảo luận	Tự học, NC, trải nghiệm và kiểm tra đánh giá	Tiền quyết	Học trước	Song hành	
1	16	1	7GDCC001	Triết học Mác – Lênin	3	3	0					
		2	7GDCC006	Pháp luật đại cương	2	2	0	90	TTHCM		L sử ĐCSVN	
		3	7KET001	Toán cao cấp	2	2	0	60				
		4	7GDCC019	Tin học đại cương	3	1	2	90				
		5	7GDCC007	Ngôn ngữ Anh 1	3	2	1	120				

Học kỳ	Tổng số tín chỉ	STT	Mã HP	Tên HP	Số tín chỉ	Số giờ			Học phần		
						Lý thuyết	Thực hành/Thí nghiệm/Thảo luận	Tự học, NC, trải nghiệm và kiểm tra đánh giá	Tiền quyết	Học trước	Song hành
2	16	6	7GDCC032	Kỹ năng giao tiếp và TT	3	3		90			
		1	7GDCC002	Kinh tế chính trị Mác – Lê nin	2	2	0				
		2		Nguyên lý kế toán	3	2	1	90	KT vi, vĩ mô		
		3	7GDCC025	Kinh tế vi mô	3	2	1				
		4	7GDCC008	Ngôn ngữ Anh 2	3	3	1				
		5	7GDCC028	Xác suất thống kê	2	2	0				

Học kỳ	Tổng số tín chỉ	STT	Mã HP	Tên HP	Số tín chỉ	Số giờ			Học phần		
						Lý thuyết	Thực hành/Thí nghiệm/Thảo luận	Tự học, NC, trải nghiệm và kiểm tra đánh giá	Tiền quyết	Học trước	Song hành
		6	7KET013	Kinh tế quốc tế	2	2	0	60	KT vi, vĩ mô		
		1	7GDCC00	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2	0				
		2	7GDCC00	Tư Tưởng Hồ Chí Minh	2	2	0				
		3	7GDCC00	Kinh tế vĩ mô	2	1	1	60		KT vi mô	
		4	7KET003	Nguyên lý thống kê	3	1	1	60		NI thống kê	
3	17	5	7KET010	Kế toán tài chính 1	3	2	1	90	NL kế t		KTTC

Học kỳ	Tổng số tín chỉ	STT	Mã HP	Tên HP	Số tín chỉ	Số giờ			Học phần		
						Lý thuyết	Thực hành/Thí nghiệm/Thảo luận	Tự học, NC, trải nghiệm và kiểm tra đánh giá	Tiền quyết	Học trước	Song hành
		6	7GDC00	Ngôn ngữ Anh 3	3	3	1				
		7	7KET004	Kiến thức cơ sở ngành tự chọn 4/8 TC	2	2	0	90		PLDC	
		8	7KET004	Thị trường chứng khoán	2	2	0	60			
		9	7GDC037	Marketing căn bản	2	2	0	60			
		10	7QKD004	Tâm lý học kinh doanh	2	2	0	60			
		11	7KET006	Thương mại quốc	2	2	0	60			







Học kỳ	Tổng số tín chỉ	STT	Mã HP	Tên HP	Số tín chỉ	Số giờ			Học phần		
						Lý thuyết	Thực hành/Thí nghiệm/Thảo luận	Tự học, NC, trải nghiệm và kiểm tra đánh giá	Tiền quyết	Học trước	Song hành
			7KET017	Phân tích báo cáo tài chính	3	2	1	90	KTTC		
			7KET019	Kiểm toán cơ bản	2	1	1	90	KTTC		PTTC-NHTM
			7KET031	Kiến thức chuyên ngành tự chọn	2	2	0				
			7KET020	Kế toán máy	4	0	4	90	NLKT		
7	14		7KET023	Thực hành kế toán trên excel	4	1	3	120	NLKT		
			7KET021	Kiểm toán nội bộ	3	1	2	90	KTNH		

Học kỳ	Tổng số tín chỉ	STT	Mã HP	Tên HP	Số tín chỉ	Số giờ			Học phần			
						Lý thuyết	Thực hành/Thí nghiệm/Thảo luận	Tự học, NC, trải nghiệm và kiểm tra đánh giá	Tiền quyết	Học trước	Song hành	
			7KET028	Thực hành kế toán tổng hợp	3	1	2					
				Giáo dục thể chất								
				Giáo dục Quốc phòng - An ninh								
			7KET033	Thực tập ngành nghề								
8	15		7KET034	Khóa luận tốt nghiệp hoặc/Học phần thay thế	10							

Học kỳ	Tổng số tín chỉ	Mã HP	Tên HP	Số tín chỉ	Số giờ			Học phần			
					Lý thuyết	Thực hành/Thí nghiệm/Thảo luận	Tự học, NC, trải nghiệm và kiểm tra đánh giá	Tiền quyết	Học trước	Song hành	
		7KET035	- Quản trị học	3	2	0					
		7KET036	- Hệ thống thông tin kế toán	3	3	0	90		NLKT KTDN		

#### 6.5 Chiến lược giảng dạy – học tập

#### PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY VÀ HỌC TẬP

Chương trình đào tạo ngành Kế toán sử dụng đa dạng các phương pháp giảng dạy và học tập nhằm đạt được mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

Bảng 6: Mối quan hệ giữa chuẩn đầu ra và phương pháp dạy-học

TT	Phương pháp dạy-học	Mã PP	PL01	PL02	PL03	PL04	PL05	PL06	PL07	PL08	PL09	PL010	PL011
1	Phương pháp thuyết giảng/thuyết trình	DH1	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
2	Phương pháp đặt vấn đề/giải quyết vấn đề	DH2	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
3	Phương pháp nghiên cứu tình huống/giải quyết tình huống	DH3	X	X	X	X	X	X	X	X	X		
4	Phương pháp thảo luận	DH4	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
5	Phương pháp tranh luận/phản biện	DH5	X	X	X	X	X	X	X	X	X		
6	Phương pháp làm việc nhóm	DH6	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
7	Phương pháp đóng kịch, nhập vai	DH7		X	X	X	X	X	X	X	X		
8	Phương pháp làm việc 1-1	DH8		X	X	X	X			X			
9	Phương pháp quan sát/trải nghiệm thực tế	DH9		X	X	X	X			X			

## 6.6 Chiến lược và phương pháp đánh giá

### PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC TẬP

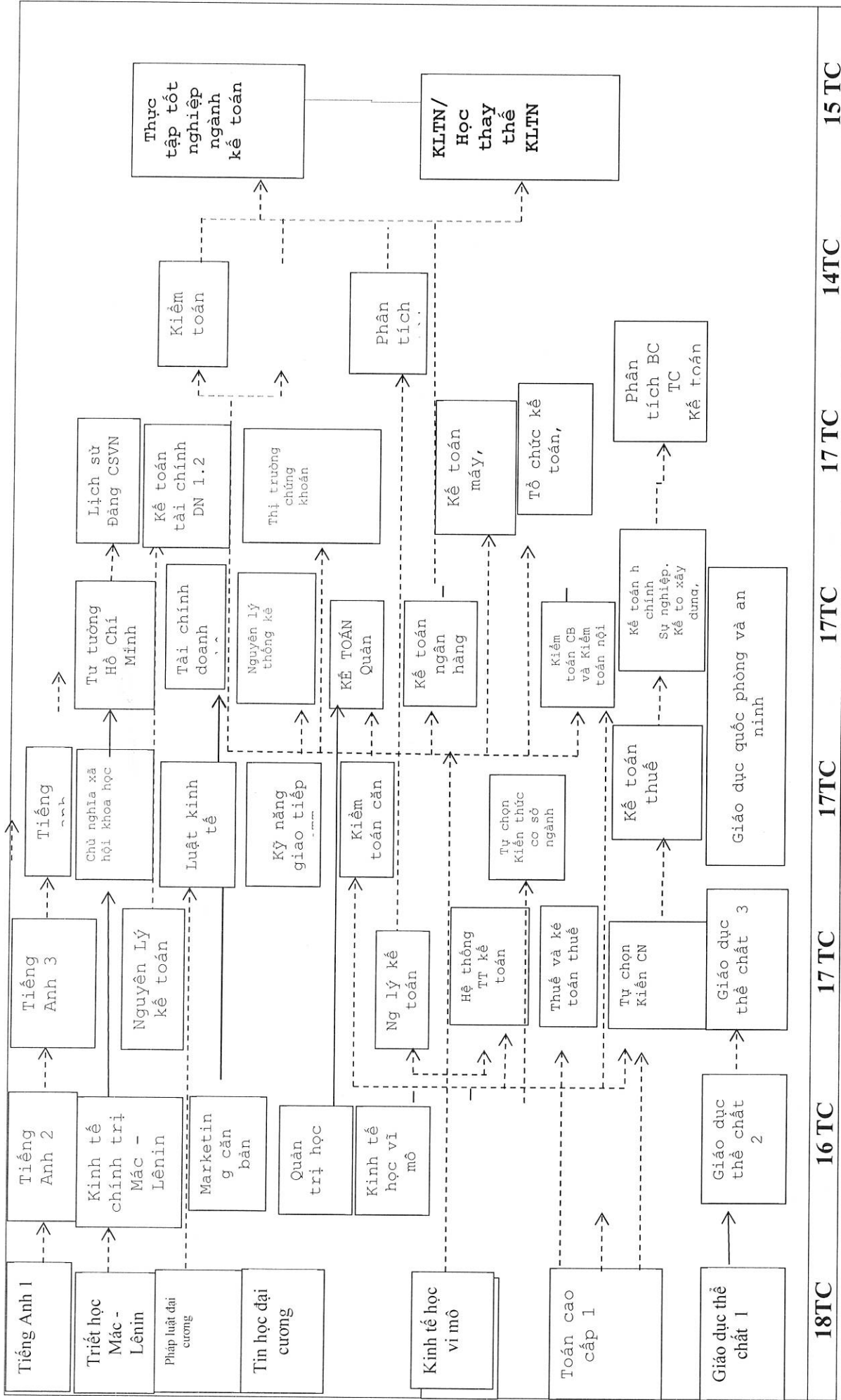
Chương trình đào tạo ngành Kế toán cũng sử dụng các phương pháp đánh giá đa dạng. Với mỗi môn học, người học được đánh giá xuyên suốt cả quá trình thông qua đánh giá điểm chuyên cần, điểm kiểm tra giữa kỳ, điểm thảo luận nhóm, điểm thi hết học phần. Để đảm bảo đánh giá chính xác quá trình học tập của người học, mỗi học phần đều xây dựng Rubrics để đánh giá từng loại điểm

Bảng 7: Ma trận chuẩn đầu ra và phương pháp đánh giá

PLO	Phương pháp đánh giá	Công cụ
<b>PLO kiến thức</b>		
PLO1	Kiểm tra chuyên cần/Bài kiểm tra tự luận/ Thảo luận/ Bài kiểm tra trắc nghiệm/ Thi tự luận/ Thi trắc nghiệm	Rubric điểm chuyên cần/Rubric đổi mới phương pháp/ Ngân hàng câu hỏi ôn tập / đề thi / đáp án đề thi
PLO2	Kiểm tra chuyên cần/Bài kiểm tra tự luận/ Thảo luận/ Bài kiểm tra trắc nghiệm/ Thi tự luận/Bài tập lớn cá nhân/Báo cáo thực tập tổng hợp/ Khóa luận tốt nghiệp	Rubric điểm chuyên cần/Rubric đổi mới phương pháp/ Ngân hàng câu hỏi ôn tập / đề thi / đáp án đề thi/ Rubric Báo cáo thực tập tổng hợp/ Rubric khóa luận tốt nghiệp
PLO3	Kiểm tra chuyên cần/Bài kiểm tra tự luận/ Thảo luận/ Thi tự luận/Bài tập lớn cá nhân/Bài tập lớn theo nhóm/Báo cáo thực tập tổng hợp/ Khóa luận tốt nghiệp	Rubric điểm chuyên cần/Rubric đổi mới phương pháp/ Ngân hàng câu hỏi ôn tập / đề thi / đáp án đề thi /Rubric Báo cáo thực tập tổng hợp/ Rubric khóa luận tốt nghiệp
<b>PLO kỹ năng</b>		
PLO4	Kiểm tra chuyên cần/Bài kiểm tra tự luận/ Thảo luận/ Thi tự luận/Bài tập lớn cá nhân/Báo cáo thực tập tổng hợp/	Rubric điểm chuyên cần/Rubric đổi mới phương pháp/ Ngân hàng câu hỏi ôn tập / đề thi / đáp án đề thi/ Rubric Báo cáo

	Khóa luận tốt nghiệp	Thực tập tổng hợp/ Rubric khóa luận tốt nghiệp
PLO5	Kiểm tra chuyên cần/Bài kiểm tra tự luận/ Thảo luận/Thi tự luận/ Bài tập lớn cá nhân/Bài tập lớn theo nhóm/Báo cáo thực tập tổng hợp/ Khóa luận tốt nghiệp	Rubric điểm chuyên cần/Rubric đổi mới phương pháp/ Ngân hàng câu hỏi ôn tập / đề thi / đáp án đề thi/ Rubric Báo cáo thực tập tổng hợp/ Rubric khóa luận tốt nghiệp
PLO6	Kiểm tra chuyên cần/Bài kiểm tra tự luận/ Thảo luận/Thi tự luận	Rubric điểm chuyên cần/Rubric đổi mới phương pháp/ Ngân hàng câu hỏi ôn tập / đề thi / đáp án đề thi
PLO7	Kiểm tra chuyên cần/Bài kiểm tra tự luận/ Thảo luận/ Thi tự luận/Bài tập lớn cá nhân	Rubric điểm chuyên cần/Rubric đổi mới phương pháp/ Ngân hàng câu hỏi ôn tập / đề thi / đáp án đề thi
<b>PLO năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm</b>		
PLO8	Kiểm tra chuyên cần/Bài kiểm tra tự luận/ Thảo luận/ Thi tự luận/Báo cáo thực tập tổng hợp/ Khóa luận tốt nghiệp	Rubric điểm chuyên cần/Rubric đổi mới phương pháp/ Ngân hàng câu hỏi ôn tập / đề thi / đáp án đề thi/ Rubric Báo cáo thực tập tổng hợp/ Rubric khóa luận tốt nghiệp
PLO9	Kiểm tra chuyên cần/Bài kiểm tra tự luận/ Thảo luận / Thi tự luận	Rubric điểm chuyên cần/Rubric đổi mới phương pháp/ Ngân hàng câu hỏi ôn tập / đề thi / đáp án đề thi
<b>PLO ngoại ngữ và tin học</b>		
PLO10	Kiểm tra chuẩn đầu ra	Đạt chuẩn đầu ra theo quy định của nhà trường
PLO11	Kiểm tra chuẩn đầu ra	Đạt chuẩn đầu ra theo quy định của nhà trường

6.6. Sơ đồ tiến trình đào tạo



## 6.7 Lộ trình theo kỳ

Bảng 9 : Lộ trình triển khai CTĐT

TT	Kỳ học	Học phần	Số TC
1	KỲ I	Khởi kiến thức GDĐC	9-12TC
		Khởi kiến thức cơ sở ngành	06TC
		<b>Tổng cộng</b>	<b>14-16TC</b>
2	KỲ II	Khởi kiến thức GDĐC	6-8TC
		Khởi kiến thức cơ sở ngành	6-8TC
		GDTC	02 TC
		<b>Tổng cộng</b>	<b>15-16TC</b>
3	KỲ III	Khởi kiến thức GDĐC	04 TC
		Khởi kiến thức cơ sở ngành	11-12 TC
		GDTC	02TC
		<b>Tổng cộng</b>	<b>16-18 TC</b>
4	KỲ IV	Khởi kiến thức GDĐC	6-8TC
		Khởi kiến thức cơ sở ngành	3-6TC
		Khởi kiến thức ngành, chuyên ngành	4-6TC
		<b>Tổng cộng</b>	<b>15-19 TC</b>
5	KỲ V	Khởi kiến thức cơ sở ngành	02 TC
		Khởi kiến thức ngành, chuyên ngành	12-15 TC
		<b>Tổng cộng</b>	<b>18-20TC</b>

6	KỶ VI	Khối kiến thức cơ sở ngành	04 TC
		Khối kiến thức ngành, chuyên ngành	05-06 TC
		Khối kiến thức bổ trợ	
		<b>Tổng cộng</b>	<b>16-17TC</b>
7	KỶ VII	Khối kiến thức ngành, chuyên ngành	13-15 TC
		Khối kiến thức bổ trợ	
		<b>Tổng cộng</b>	<b>16-14TC</b>
8	KỶ VIII	Thực tập nghề nghiệp và làm tốt nghiệp khóa học	<b>10 TC</b>
9	<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>129 TC</b>

## 7. MÔ TẢ TÓM TẮT HỌC PHẦN

STT	Tên học phần	Tóm tắt học phần
1	Triết học Mác - Lênin  Mã HP 7GĐC001  Số tín chỉ 03	<p>Môn học Triết học Mác-Lênin nhằm giới thiệu một cách có hệ thống những quan điểm triết học cơ bản của c. Mác, Ph. Ăngghen và V. I. Lênin với tư cách là hệ thống những quan điểm duy vật biện chứng về tự nhiên, xã hội và tư duy. Triết học Mác- Lênin là thế giới quan và phương pháp luận khoa học, cách mạng của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và các lực lượng xã hội tiên bộ trong nhận thức và cải tạo xã hội. Nội dung môn học bao gồm 3 chương: Chương 1 (Khái luận chung về triết học và triết học Mác-Lênin) trình bày, giải thích những vấn đề chung về triết học và triết học Mác-Lênin; Chương 2 (Chủ nghĩa duy vật biện chứng) khái quát những vấn đề chung nhất về nguồn gốc, bản chất và những quy luật vận động, phát triển của thế giới khách quan; Chương 3 (Chủ nghĩa duy vật lịch sử) khái quát những vấn đề chung nhất về cơ sở tồn tại, quy luật, động lực cho sự vận động và phát triển của xã hội. Môn học là một học phần cấu thành các môn học của khoa học lý luận Mác-Lênin trong chương trình đại học, cao đẳng nhằm giáo dục tư tưởng lý luận cho người học, giúp người học xây dựng thế giới quan và phương pháp luận khoa học để tiếp cận các học phần khác</p>
2	Kinh tế chính trị Mác – Lênin  Mã HP 7GĐC002  Số tín chỉ 02	<p>Học phần Kinh tế chính trị Mác - Lê nin được thiết kế gồm 6 chương, đảm bảo tính cơ bản, hệ thống, khoa học, cập nhật tri thức mới, gắn với thực tiễn, tính sáng tạo, kỹ năng, tư duy, phẩm chất người học. Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức về đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của Kinh tế chính trị Mác - Lê nin; Hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể kinh</p>

STT	Tên học phần	Tóm tắt học phần
		tế tham gia thị trường; cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; kinh tế thị trường định hướng xã hội
		chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam; công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam. Qua đó, người học giải thích được các hiện tượng, quá trình kinh tế diễn ra trên bề mặt nền kinh tế xã hội và nguyên nhân sự giàu có của các quốc gia trong mối liên hệ với thế giới. Đồng thời, hiểu thực trạng, triển vọng và xu hướng phát triển kinh tế xã hội của Việt Nam để vận dụng vào thực tiễn trong hoạt động lao động cũng như quản trị quốc gia. Quá trình vận dụng đúng các quy luật kinh tế khách quan thông qua điều chỉnh hành vi cá nhân hoặc các chính sách kinh tế sẽ góp phần thúc đẩy nền kinh tế - xã hội phát triển theo hướng tiến bộ.
3	<p>Chủ nghĩa xã hội khoa học</p> <p>Mã HP 7GĐC003</p> <p>Số tín chỉ 02</p>	<p>Chủ nghĩa xã hội khoa học là một môn khoa học nằm trong hệ thống các môn học lý luận của Chủ nghĩa Mác - Lênin. Chủ nghĩa xã hội khoa học nghiên cứu các quy luật và tính quy luật chính trị - xã hội để luận giải cho tính tất yếu ra đời của hình thái kinh tế - xã hội Cộng sản chủ nghĩa; nghiên cứu cách thức, con đường, biện pháp để giai cấp công nhân và nhân dân lao động xây dựng thành công xã hội xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa. Học phần có 7 chương, bao gồm những nội dung cơ bản của chủ nghĩa xã hội khoa học, cung cấp cho sinh viên những căn cứ lý luận khoa học để hiểu và có niềm tin cách mạng về con đường xây dựng, phát triển đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội hiện nay ở Việt Nam</p>

STT	Tên học phần	Tóm tắt học phần
4	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam Mã HP 7GĐC005 Số tín chỉ 02	<p>Cung cấp cho sinh viên một cách hệ thống những kiến thức cơ bản về Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam: sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam, sự lãnh đạo của Đảng đối với cách mạng Việt Nam trong thời kỳ đấu tranh giành chính quyền (1930- 1945), trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược (1945- 1975), trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975- nay).</p> <p>Xây dựng cho sinh viên niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng, phấn đấu theo mục tiêu, lý tưởng của Đảng. Đồng thời giúp sinh viên vận dụng kiến thức để chủ động, tích cực trong giải quyết những vấn đề kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội theo đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật Nhà nước.</p>
5	Tư tưởng Hồ Chí Minh Mã PH 7GĐC004 Số tín chỉ 02	<p>Học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh cung cấp các nội dung cơ bản của Tư tưởng Hồ Chí Minh. Nội dung chủ yếu của học phần tập trung vào những kiến thức cơ bản về khái niệm, cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; những nội dung cơ bản tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; về Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; về đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; về văn hóa, đạo đức và xây dựng con người; sự vận dụng của Đảng Cộng sản Việt Nam trong quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam từ năm 1930 đến nay.</p> <p>Thông qua học phần sẽ giúp sinh viên nâng cao nhận thức về bản lĩnh chính trị, bồi dưỡng lòng yêu nước, thực hành đạo đức cách mạng, trách nhiệm công dân từ đó chủ động, tích cực trong học tập, tu dưỡng, rèn luyện,</p>

STT	Tên học phần	Tóm tắt học phần
		chấp hành tốt chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước.
6	Ngôn ngữ Anh I Mã HP 7GĐC007 Số tín chỉ 03	Học phần Tiếng Anh I là học phần đầu tiên, nằm trong 4 học phần bắt buộc của chương trình Tiếng Anh không chuyên cho sinh viên. Học phần tiếng Anh I được giảng dạy vào học kỳ I năm thứ nhất, giúp sinh viên đạt được cấp độ 2 theo khung năng lực Ngoại Ngữ 6 bậc được xây dựng dựa trên Thông tư 01/2014/TT- BGDĐT. Học phần giúp sinh viên phát triển toàn diện 4 kỹ năng Nghe, Nói, Đọc,Viết. Ngoài ra, thông qua các bài học đa dạng về chủ đề và loại hình bài tập, sinh viên được nâng cao vốn từ vựng và củng cố ngữ pháp tiếng Anh.
7	Ngôn ngữ Anh II Mã HP 7GĐC008 Số tín chỉ 03	Học phần Tiếng Anh II là học phần nối tiếp Tiếng Anh I, nằm trong bốn học phần bắt buộc của chương trình Tiếng Anh không chuyên cho sinh viên. Học phần tiếng Anh II cùng với học phần tiếng Anh III tiếp sau giúp sinh viên đạt được cấp độ 3 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc được xây dựng trên Thông tư 01/2014/TT- BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ GD&ĐT. Theo đó, sinh viên có cơ hội học và phát triển toàn diện bốn kỹ năng, bên cạnh việc học ngữ pháp và từ vựng thông qua các bài học đa dạng về chủ đề và loại hình bài tập.
8	Ngôn ngữ Anh III Mã HP 7GĐC009 Số tín chỉ 03	Học phần Tiếng Anh III là học phần nối tiếp Tiếng Anh II, nằm trong 4 học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương dành cho sinh viên các ngành tại trường Đại học Đông Đô. Cùng với học phần tiếng Anh II trước đó, học phần tiếng Anh III giúp sinh viên đạt cấp độ 3 trong khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc được xây dựng theo Thông tư 01/2014/TT-BGDĐT ngày

STT	Tên học phần	Tóm tắt học phần
		24/01/2014 của Bộ GD&ĐT. Theo đó, sinh viên có cơ hội học tập, thực hành và phát triển toàn diện 4 kỹ năng Nghe - Nói - Đọc - Viết bên cạnh việc học ngữ pháp và từ vựng thông qua các chủ đề và nội dung đa dạng đi kèm với các loại hình bài tập phong phú
10	Pháp luật đại Cương Mã HP 7GĐC006 Số tín chỉ 02	Học phần Pháp luật đại cương là học phần bắt buộc của các chương trình đào tạo tại Đại học Đông Đô (trừ chương trình đào tạo ngành Luật kinh tế), thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương. Học phần trang bị cho người học những kiến thức chung nhất, cơ bản nhất về nhà nước và pháp luật đồng thời có sự liên hệ với nhà nước và pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
11	Toán cao cấp Mã HP 7KET001 Số tín chỉ 02	Học phần Toán kinh tế I gồm những kiến thức cơ bản về Giải tích Toán học và Đại số tuyến tính, cùng các ứng dụng của nó trong kinh tế. Học phần này bao gồm các nội dung cơ bản: Dãy số; Giới hạn của hàm số; Đạo hàm và vi phân của hàm một biến số và nhiều biến số; cực trị của hàm số một biến số và nhiều biến số. Tích phân bất định; tích phân xác định; tích phân suy rộng. Không gian véc tơ; Ma trận định thức và Hệ phương trình. Cùng một số ứng dụng của Giải tích và Đại số tuyến tính trong kinh tế.
12	Tin học Đại cương Mã HP 7GĐC019 Số tín chỉ 03	Học phần Tin học đại cương trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về máy tính và Internet, phần cứng, phần mềm, hiểu rõ cách thức hoạt động cơ bản của hệ điều hành Windows, mua sắm máy tính, tự tin thuyết trình, khai thác máy tính an toàn và hiệu quả. Sau khi học xong môn này, người học có thể sử dụng thành

STT	Tên học phần	Tóm tắt học phần
		<p>thạo máy tính trong các công việc như soạn thảo văn bản, sử dụng bảng tính điện tử, phần mềm trình chiếu báo cáo khai thác và sử dụng Internet, sử dụng công cụ trình chiếu, khai thác và sử dụng các phần mềm ứng dụng khác. Qua những kiến thức rất cơ bản đã được trang bị này, sinh viên có thể tự học và áp dụng các kiến thức này vào từng công việc cụ thể sau này.</p>
13	<p>Kinh tế vi mô Mã HP 7GĐC025 Số tín chỉ 03</p>	<p>Là một phân nhánh của kinh tế học, kinh tế vi mô bước đầu trang bị cho sinh viên tư duy về kinh tế thị trường, đồng thời cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về kinh tế ở cấp độ vi mô, bao gồm: cơ chế vận hành của các thị trường; hành vi của người tiêu dùng nhằm tối đa hóa lợi ích, hành vi của doanh nghiệp nhằm tối đa hóa lợi nhuận; cấu trúc của các thị trường; vai trò kinh tế của chính phủ trong việc điều tiết thị trường. Nhờ những kiến thức lĩnh hội được, người học có thể từng bước nghiên cứu sự vận động của nền kinh tế và cách thức hoạt động của nó nhằm giải quyết tình trạng khan hiếm - vấn đề mà mọi nền kinh tế, không phân biệt trình độ phát triển, đều phải đối mặt</p>
14	<p>Kinh tế vĩ mô Mã HP 7GĐC024 Số tín chỉ 02</p>	<p>Học phần Kinh tế vĩ mô nghiên cứu hành vi của nền kinh tế tổng thể nhằm giải quyết vấn đề khan hiếm giữa nguồn lực nhằm đạt được các mục tiêu của nền kinh tế. Sau khi học xong học phần, người học sẽ có những hiểu biết về sự vận hành của nền kinh tế tổng thể cũng như các chính sách kinh tế vĩ mô của Chính phủ nhằm hướng tới các mục tiêu về tăng trưởng, lạm phát, thất nghiệp cũng như các mục tiêu kinh tế đối</p>

STT	Tên học phần	Tóm tắt học phần
		ngoại.
15	Pháp Luật kinh tế Mã HP 7GĐC038 Số tín chỉ 03	Học phần Luật Kinh tế thuộc khối kiến thức cơ sở ngành, là một trong hai học phần về luật bắt buộc của chương trình đào tạo đại học ngành kế toán. Học phần cung cấp các kiến thức pháp lý liên quan tới hoạt động kinh doanh bao gồm: pháp luật về doanh nghiệp, pháp luật về hợp đồng, pháp luật về giải quyết tranh chấp trong kinh doanh, pháp luật về phá sản
16	Giao tiếp & thuyết trình Mã HP 7GĐC032 Số tín chỉ 03	Học phần Giao tiếp trong kinh doanh thuộc loại học phần thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương. Học phần Giao tiếp trong kinh doanh cung cấp cho người học những kiến thức và kỹ năng nền tảng về giao tiếp nói chung và các kỹ năng chính yếu cần phải có, trên cơ sở đó người học vận dụng những kỹ năng này trong hoạt động kinh doanh và cuộc sống một cách hiệu quả. Ngoài ra, sinh viên có thể tự tin đưa ra những quan điểm của mình khi gặp những tình huống kinh doanh cụ thể. Kỹ năng giao tiếp trong kinh doanh là môn khoa học ứng dụng, nghiên cứu các nội dung như: Khái quát chung về hoạt động giao tiếp, Chiến lược giao tiếp trong kinh doanh, Các kỹ năng giao tiếp khác trong hoạt động kinh doanh như kỹ năng lắng nghe, kỹ năng giao tiếp bằng văn bản, kỹ năng đặt câu hỏi, kỹ năng làm việc nhóm và kỹ năng thuyết trình.
17	Hệ thống thông tin kế toán Mã HP 7KET036 Số tín chỉ 03	Học phần hệ thống thông tin kế toán là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành, cung cấp cho người học kiến thức, kỹ năng về quy trình tổ chức hệ thống thông tin kế toán đặc biệt trong bối cảnh ứng dụng công nghệ thông tin. Bao gồm quy trình về phân

STT	Tên học phần	Tóm tắt học phần
		<p>tích, mô tả, tổ chức, đánh giá dữ liệu kế toán, kiểm soát thông tin kế toán theo từng chương trình kinh doanh. Từ đó người học có thể đề xuất những nội dung cần thiết của hệ thống thông tin kế toán cho doanh nghiệp có nhu cầu thông tin và yêu cầu quản lý cụ thể. Đồng thời, thông qua việc xử lý các vấn đề đặt ra trong hQC phân người hQC có thể xây dựng năng lực tu duy phản biện, tu duy hệ thống khi hQC tập, nghiên cứu và công việc thực tiễn sau này.</p>
18	<p>Thị trường chứng khoán Mã HP 7KET009 Số tín chỉ 02</p>	<p>Học phần Thị trường chứng khoán thuộc khối kiến thức cơ sở ngành; cung cấp kiến thức, kỹ năng giúp người học có thể xác định được các kiến thức về thị trường chứng khoán, trên cơ sở đó mô phỏng các hoạt động phát hành và giao dịch trên thị trường chứng khoán, nhận diện được các công cụ số trong hoạt động trên thị trường chứng khoán.</p> <p>Để đạt được mục tiêu này, học phần Thị trường chứng khoán tập trung vào các nội dung về tổng quan thị trường chứng khoán, thị trường chứng khoán sơ cấp và thị trường chứng khoán thứ cấp.</p>
19	<p>Kế toán thương mại dịch vụ Mã HP 7KET016 Số tín chỉ 03</p>	<p>Kế toán thương mại dịch vụ là học phần 2 tín chỉ tự chọn thuộc khối kiến thức chuyên ngành. Học phần nhằm trang bị cho người học kiến thức, kỹ năng và khả năng làm việc tự chủ trong công tác kế toán tại các loại hình doanh nghiệp kinh doanh thương mại nội địa, kinh doanh xuất, nhập khẩu, kinh doanh du lịch và dịch vụ. Từ đó, giúp người học vận dụng được Luật kế</p>

STT	Tên học phần	Tóm tắt học phần
		toán, chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán để tạo nền tảng cho việc học tập, nghiên cứu và giải quyết các vấn đề thực tiễn liên quan đến công tác kế toán trong các doanh nghiệp kinh doanh thương mại nội địa, doanh nghiệp kinh doanh xuất, nhập khẩu, doanh nghiệp kinh doanh du lịch và dịch vụ.
20	Giáo dục thể chất I (Đại cương)	Học phần Đại cương nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về GDTC và TT. Sinh viên biết vận dụng vào cuộc sống, hình thành thói quen tập luyện Thể dục Thể thao nâng cao sức khỏe; góp phần bồi dưỡng ý chí, phẩm chất đạo đức, nâng cao khả năng học tập, phát triển con người toàn diện.
21	Giáo dục thể chất II (Bóng rổ)	Bóng rổ là học phần tự chọn trong môn học Giáo dục Thể chất. Học phần này giúp sinh viên chuẩn bị đầy đủ thể lực, có thêm kiến thức, kỹ năng cơ bản của môn bóng rổ.
22	Giáo dục thể chất III (Bóng chuyền)	Bóng chuyền là học phần tự chọn trong môn học Giáo dục Thể chất. Học phần này giúp người học có đầy đủ thể lực, thêm kiến thức, kỹ năng cơ bản của kỹ thuật chuyền, đệm bóng và phát bóng. Thông qua học phần, sinh viên có thể vận dụng các kiến thức đã học vào cuộc sống để rèn luyện sức khỏe, phát triển thể lực từ đó nâng cao khả năng học tập cũng như kỹ năng hoạt động xã hội với tinh thần, thái độ tích cực.
23	Giáo dục thể chất IV (Cầu lông)	Môn Cầu lông là học phần tự chọn trong môn học Giáo dục Thể chất. Học phần này cung cấp cho người học những kiến thức chung, kỹ thuật CO' bản của môn cầu lông. Bao gồm các kỹ thuật di chuyển, kỹ thuật phát

STT	Tên học phần	Tóm tắt học phần
		cầu, đánh cầu thấp tay, cao tay, trên đầu, nắm được lịch sử phát triển, luật thi đấu của môn cầu lông, hiểu được tác dụng tập luyện TDTT nói chung và môn cầu lông nói riêng qua đó tập luyện và nâng cao sức khỏe phục vụ cho học tập và lao động hàng ngày.
24	Giáo dục thể chất V (Khiêu vũ)	Khiêu vũ là học phần tự chọn trong môn học Giáo dục Thể chất. Học phần này giúp sinh viên chuẩn bị đầy đủ thể lực, có thêm kiến thức, kỹ năng khiêu vũ.
25	Kế toán Ngân hàng Mã HP 7KET024 Số tín chỉ 03	<p>Mục tiêu chung của học phần:</p> <p>Mục tiêu của học phần này nhằm phát triển khả năng của người học trong việc vận dụng các nguyên tắc kế toán theo hệ thống Chuẩn mực kế toán quốc tế và Việt Nam về công cụ tài chính nhằm đo lường, ghi nhận và dừng ghi nhận các công cụ tài chính (tài sản tài chính, công cụ nợ, công cụ vốn) tại NHTM.</p> <p>Nội dung tóm tắt, cốt lõi của học phần:</p> <p>Học phần đề cập nội dung vận dụng các chuẩn mực, chế độ kế toán hiện hành để phân loại, đo lường, ghi nhận và dừng ghi nhận các tài sản tài chính, công nợ tài chính, công cụ vốn tại một Ngân hàng thương mại. Các nguyên tắc về trình bày và thuyết minh thông tin về các công cụ tài chính này trên Báo cáo tài chính cũng được đề cập.</p>
26	Nguyên lý Kế Toán mỹ Mã HP7KET004	Mục tiêu chung : Cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về kế toán, vận dụng tốt những kiến thức cơ bản của học phần trong học tập, các học phần kế toán của chương trình đào tạo, chuyên ngành và trong

STT	Tên học phần	Tóm tắt học phần
	Số tín chỉ 03	<p>thực tiễn công việc sau khi tốt nghiệp.</p> <p>Sau khi học xong học phần này sinh viên sẽ được trang bị</p> <p>+ Kiến thức : Biết định khoản kế toán, có lý luận cơ bản về kế toán tài chính và biết lên bảng cân đối kế toán.</p> <p>+ Kỹ năng : Hình thành các kỹ năng cơ bản về công tác kế toán, biết phân tích các nghiệp vụ kinh tế phát sinh để nghiên cứu các học phần trong chuyên ngành đào tạo.</p> <p>+ Thái độ : Nhận thức đúng tầm quan trọng của công tác kế toán trên cơ sở đó sinh viên có thái độ đúng đắn đối với môn học, nỗ lực học tập và rèn luyện phẩm chất, kỹ năng nghề nghiệp trong tương lai.</p>
27	Kế toán Quốc tế Mã HP7KET012 Số tín chỉ 02	<p>Học phần Tài chính quốc tế nhằm phát triển khả năng của người học về việc nhận biết và phân tích sự hình thành và biến động của những vấn đề thuộc phạm vi tài chính quốc tế như cán cân thanh toán quốc tế, tỷ giá, chế độ tỷ giá, cũng như mối quan hệ tác động qua lại giữa chúng với các biến số kinh tế vĩ mô khác; để từ đó có thể đánh giá khái quát về những biến động trên thị trường tài chính - tiền tệ toàn cầu hiện nay.</p> <p>- Học phần đề cập tới các nội dung: Thị trường tài chính quốc tế với trọng tâm là thị trường ngoại hối; cán cân thanh toán quốc tế; chế độ tỷ giá và vai trò của NHTW; các học thuyết về tỷ giá (ngang giá sức mua, ngang giá lãi suất); hệ thống tiền tệ quốc tế và các định chế tài chính quốc tế.</p>

STT	Tên học phần	Tóm tắt học phần
28	Nguyên lý Thống kê Mã HP 7KET003 Số tín chỉ 03	Học phần nghiên cứu những vấn đề lý luận, phương pháp luận của thống kê; cung cấp một cách có hệ thống các khái niệm CO' bản trong thống kê, các phương pháp trình bày dữ liệu; các phương pháp thống kê mô tả; các phương pháp thống kê suy luận; ứng dụng phần mềm tin học trong phân tích, đánh giá và dự đoán các mức độ của hiện tượng trong tương lai. Từ đó, giúp cho việc điều hành, ra các quyết định quản lý.
29	Nguyên lý kế toán Mã HP 7KET002 Số tín chỉ 03	Nguyên lý kế toán là học phần nền tảng của đào tạo khối ngành kinh tế nói chung và là môn học cơ sở' cho chuyên ngành kế toán nói riêng. Học phần này cung cấp các khái niệm và các nguyên tắc kế toán CO' bản, đồng thời giới thiệu về chu trình kế toán CO' bản để làm cơ sở' cho việc nghiên cứu các học phần khác thuộc khối kiến thức chuyên ngành của chuyên ngành kế toán. Tham gia môn học, người học còn được phát triển tư duy phản biện, tư duy hệ thống; đổi mới sáng tạo, ý thức về tổ chức và quản lý trong lĩnh vực kế toán - kiểm toán
30	Kiểm toán căn bản Mã HP 7KET019 Số tín chỉ 03	Học phần Kiểm toán căn bản thuộc Khối kiến thức CO' sở ngành. Học phần giới thiệu những nội dung cơ bản, tổng quan về kiểm toán: lịch sử hình thành và phát triển của kiểm toán, khái niệm kiểm toán và một số thuật ngữ trong kiểm toán, phân loại hoạt động kiểm toán theo các tiêu chí khác nhau, tiêu chuẩn của kiểm toán viên hành nghề, chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp kế toán, kiểm toán; phương pháp và quy trình kiểm toán, kỹ thuật chọn mẫu trong kiểm toán và các loại ý

STT	Tên học phần	Tóm tắt học phần
		kiến kiểm toán, trên cơ sở đó xây dựng kế hoạch kiểm toán và đưa ra ý kiến kiểm toán thích hợp. Sau khi kết thúc học phần, sinh viên hiểu những khái niệm, lý thuyết CO' bản và có thể áp dụng được một số thủ tục kiểm toán đơn giản trong một cuộc kiểm toán.
31	Kế toán tài chính I Mã HP7KET010 Số tín chỉ 03	Học phần Kế toán tài chính I thuộc khối kiến thức CO' sở' ngành, cung cấp cho sinh viên những kiến thức về nguyên tắc và phương pháp kế toán một số khoản mục tài sản và nguồn vốn CO' bản của doanh nghiệp như kế toán hàng tồn kho; kế toán vốn bằng tiền và các khoản nợ phải thu; kế toán tập hợp chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm; kế toán tài sản cố định và bất động sản đầu tư; kế toán nợ phải trả và vốn chủ sở' hữu, lập BCTC đơn lẻ của doanh nghiệp. Học phần cũng trang bị cho sinh viên kỹ năng CO' bản trong hoạt động nhóm, giúp sinh viên đưa ra những đánh giá chuyên môn liên quan đến các chủ đề của học phần.
32	Kinh tế Quốc Tế Mã HP 7KET013 Số tín chỉ 03	<p>Kinh tế học quốc tế nghiên cứu sự tác động qua lại lẫn nhau giữa các nền kinh tế riêng biệt trong quá trình khai thác và sử dụng tài nguyên khan hiếm để thỏa mãn một cách tốt nhất nhu cầu của con người.</p> <p>Kinh tế học quốc tế được chia làm hai phần chính: thương mại quốc tế và tài chính quốc tế. Trong nội dung thương mại quốc tế, học phần nghiên cứu quá trình hình thành, phát triển và những đặc điểm mới của nền kinh tế thế giới, nội dung và tính chất của các quan hệ kinh tế quốc tế; nghiên cứu dòng vận động của các luồng hàng hóa và dịch vụ giữa một quốc gia với các quốc gia và vùng lãnh thổ khác trong nền kinh tế thế giới; nghiên cứu những chính sách thương mại quốc tế</p>

STT	Tên học phần	Tóm tắt học phần
		<p>nhằm điều tiết các dòng vận động này và tác động của các chính sách đó đến phúc lợi của quốc gia.</p> <p>Trong tài chính quốc tế nghiên cứu dòng vận động của các luồng tài chính-tiền tệ và thanh toán giữa một quốc gia với các quốc gia và vùng lãnh thổ khác trong nền kinh tế thế giới; những chính sách nhằm điều tiết các dòng vận động này và tác động của các chính sách đó đến phúc lợi của quốc gia. Cụ thể, học phần này nghiên cứu cán cân thanh toán quốc tế bao gồm khái niệm, các bộ phận cấu thành và các biện pháp giải quyết tình trạng mất cân đối cán cân thanh toán quốc tế của một quốc gia; thị trường ngoại hối bao gồm khái niệm, chức năng, động cơ của các thành viên tham gia thị trường, vấn đề rủi ro hối đoái, tự bảo hiểm và đầu cơ hối đoái; tỷ giá hối đoái bao gồm khái niệm, các chế độ tỷ giá, các nhân tố ảnh hưởng và tác động của tỷ giá hối đoái đến các quan hệ kinh tế quốc tế; Các hệ thống tiền tệ quốc tế.</p>
33	Phân tích hoạt động kinh doanh Mã HP 7KET018 Số tín chỉ 03	Học phần Phân tích Tài chính doanh nghiệp I thuộc khối kiến thức CO' số ngành, bắt buộc, cung cấp kiến thức, kỹ năng giúp người học có thể phân tích tình hình tài chính của doanh nghiệp, từ đó đưa ra các đánh giá và đề xuất phục vụ cho việc ra quyết định của các đối tượng liên quan đến doanh nghiệp. Để đạt được mục tiêu này, học phần Phân tích Tài chính doanh nghiệp I tập
		trung vào các nội dung CO' bản về phân tích tài chính trong các doanh nghiệp gồm: tổng quan về phân tích

STT	Tên học phần	Tóm tắt học phần
		TCDN, giới thiệu về các báo cáo tài chính, phân tích tình hình và kết quả kinh doanh, phân tích cơ cấu tài sản nguồn vốn, phân tích các tỷ số tài chính và phân tích báo cáo lưu chuyển tiền tệ
34	NL Thống kê Mã HP7KET003 Số tín chỉ 02	Học phần Thống kê doanh nghiệp thuộc khối kiến thức cơ sở chuyên ngành Kế toán. Học phần cung cấp kiến thức và kỹ năng về thống kê trong doanh nghiệp. Bao gồm các khái niệm cơ bản trong thống kê doanh nghiệp; Phương pháp tính toán các chỉ tiêu phản ánh nguồn lực đầu vào và kết quả đầu ra trên cơ sở đó đánh giá được hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp; Cung cấp hệ thống các phương pháp phân tích làm CO' số' cho dự đoán các mức độ của hiện tượng trong tương lai, từ đó giúp cho việc điều hành, ra các quyết định quản lý của doanh nghiệp.
35	Kế toán hành chính sự nghiệp 7KET014 Số tín chỉ 03	Mô tả tóm tắt nội dung học phần  Học phần này trang bị những kiến thức cơ bản về kế toán hành chính sự nghiệp: tổng quan về đơn vị hành chính sự nghiệp, nhiệm vụ và nội dung của kế toán, các quy định về chứng từ, tài khoản, sổ kế toán và hình thức kế toán trong các đơn vị hành chính sự nghiệp; kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ; kế toán tài sản cố định; kế toán thanh toán.
36	Hệ thống thông tin Kế toán Mã HP7KET036 Số tín chỉ 03	Học phần Hệ thống thông tin quản lý là học phần bắt buộc, thuộc khối kiến thức CO' số' ngành, đây là môn học cuối trong tuyến các môn học liên quan đến Năng lực số nhằm đảm bảo cho sinh viên đạt được Năng lực số cần thiết trong bối cảnh thời đại số hiện nay. Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức: tổng

STT	Tên học phần	Tóm tắt học phần
		<p>quan về hệ thống thông tin quản lý, hệ thống thông tin với chiến lược của tổ chức, hệ thống kinh doanh thông minh, hệ thống thông tin cộng tác, quy trình và phát triển hệ thống thông tin trong các tổ chức, doanh nghiệp. Sau khi học xong học phần này, sinh viên có các kỹ năng về năng lực số trong hoạt động chuyên môn và học tập suốt đời. Ngoài ra, sinh viên còn được rèn luyện kỹ năng về khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo</p>
37	<p>Ke toán quản trị Mã HP7KET009 Số tín chỉ 03</p>	<p>Học phần Ke toán quản trị I là học phần bắt buộc thuộc Khối kiến thức CO' sở' ngành. Học phần cung cấp cho người học những vấn đề CO' bản về Kế toán quản trị trong doanh nghiệp. Cụ thể các nội dung gồm tổng quan về Kế toán quản trị, phân loại chi phí theo nhiều tiêu thức khác nhau, phân bổ chi phí chung, kế toán quản trị chi phí, các phương pháp xác định chi phí và tính giá thành sản phẩm và định giá bán sản phẩm.</p>
38	<p>Ke toán thuế Mã 7KET008 Số tín chỉ 03</p>	<p>Học phần Kế toán thuế thuộc khối cơ sở chuyên ngành Kế toán. Học phần cung cấp kiến thức và kỹ năng về kế toán thuế trong các doanh nghiệp Việt Nam. Bao gồm: các nguyên tắc và phương pháp kế toán một số sắc thuế cơ bản như thuế TNDN, thuế GTGT, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu, thuế thu nhập cá nhân; lập và trình bày báo cáo thuế để cung cấp thông tin kinh tế, tài chính và thực hiện nghĩa vụ với cơ quan thuế; phân tích các rủi ro, gian lận liên quan tới từng sắc thuế.</p>
39	<p>Kế toán xây dựng cơ bản Mã HP7KET015 Số tín chỉ 03</p>	

STT	Tên học phần	Tóm tắt học phần
40	Kế toán thương mại và dịch vụ Mã HP 7KET016 Số tín chỉ 03	Kế toán thương mại dịch vụ là học phần 2 tín chỉ tự chọn thuộc khối kiến thức chuyên ngành. Học phần nhằm trang bị cho người học kiến thức, kỹ năng và khả năng làm việc tự chủ trong công tác kế toán tại các loại hình doanh nghiệp kinh doanh thương mại nội địa, kinh doanh xuất, nhập khẩu, kinh doanh du lịch và dịch vụ. Từ đó, giúp người học vận dụng được Luật kế toán, chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán để tạo nền tảng cho việc học tập, nghiên cứu và giải quyết các vấn đề thực tiễn liên quan đến công tác kế toán trong các doanh nghiệp kinh doanh thương mại nội địa, doanh nghiệp kinh doanh xuất, nhập khẩu, doanh nghiệp kinh doanh du lịch và dịch vụ.
41	Phân tích báo cáo tài chính Mã HP7KET017 Số tín chỉ 03	Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức sau: Tổng quan về phân tích báo cáo tài chính; Diễn giải hệ thống báo cáo tài chính; Phân tích thanh khoản và khả năng thanh toán; Phân tích cấu trúc tài chính và khả năng thanh toán nợ dài hạn; Phân tích hiệu quả kinh doanh và khả năng sinh lời của công ty.
42	Hệ thống thông tin kế toán Mã HP7KET036 Số tín chỉ 03	Học phần Hệ thống thông tin kế toán là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành, cung cấp cho người học kiến thức, kỹ năng về quy trình tổ chức hệ thống thông tin kế toán đặc biệt trong bối cảnh ứng dụng công nghệ thông tin. Bao gồm quy trình về phân tích, mô tả, tổ chức, đánh giá dữ liệu kế toán, kiểm soát thông tin kế toán theo từng chu trình kinh doanh. Từ đó người học có thể đề xuất những nội dung cần thiết của hệ thống thông tin kế toán cho doanh nghiệp có

STT	Tên học phần	Tóm tắt học phần
		<p>nhu cầu thông tin và yêu cầu quản lý cụ thể. Đồng thời, thông qua việc xử lý các vấn đề đặt ra trong học phần người học có thể xây dựng năng lực tư duy phản biện, tư duy hệ thống khi học tập, nghiên cứu và công việc thực tiễn sau này.</p>
43	<p>Kế toán tài chính II Mã HP7KET011 Số tín chỉ 03</p>	<p>Học phần Kế toán tài chính II là học phần thuộc nhóm bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành của chương trình đào tạo kế toán. Học phần cung cấp kiến thức chuyên sâu về nguyên tắc và phương pháp kế toán một số các nội dung nâng cao của kế toán tài chính, bao gồm nhưng không giới hạn ở kế toán suy giảm giá trị và TSCĐ theo mô hình đánh giá lại, hợp đồng thuê tài sản, doanh thu, báo cáo lưu chuyển tiền tệ, nợ tiềm tàng và dự phòng phải trả, các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán, thay đổi chính sách kế toán, ước tính kế toán và các sai sót. Thông qua xử lý các vấn đề đặt ra trong học phần giúp người học xây dựng năng lực tư duy phản biện.</p>
44	<p>Kiểm toán tài chính I Mã HP7KET010 Số tín chỉ 03</p>	<p>Học phần Kiểm toán tài chính I thuộc Khối kiến thức chuyên ngành, thuộc nhóm bắt buộc với Ngành Kế toán. Học phần cung cấp kiến thức và kỹ năng chuyên sâu về kiểm toán báo cáo tài chính của các doanh nghiệp phi tài chính gồm: nội dung, trình tự các thủ tục kiểm toán đối với các khoản mục trên BCTC của các</p>
		<p>doanh nghiệp như: Khoản mục Tiền, tương đương tiền và các khoản đầu tư, Khoản mục Nợ phải thu, Khoản mục doanh thu, thu nhập, Khoản mục Nợ phải trả, Khoản mục Hàng tồn kho, Khoản mục Chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm, Khoản mục Chi phí hoạt</p>

STT	Tên học phần	Tóm tắt học phần
		động và chi phí khác.
45	Tổ chức công tác kế toán Mã HP 7KET022 Số tín chỉ 02	Học phần Tổ chức công tác kế toán trong môi trường công nghệ là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành. Học phần cung cấp cho người học những nội dung kiến thức về tổ chức công tác kế toán doanh nghiệp trong môi trường công nghệ thông tin, cung cấp kỹ năng thực hành trên phần mềm kế toán và những xu hướng công nghệ mới ảnh hưởng tới kế toán doanh nghiệp.
46	Kế toán quốc tế Mã HP7KET012 Số tín chỉ 03	Học phần Kế toán quốc tế là học phần lựa chọn bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên sâu kế toán doanh nghiệp. Học phần đề cập đến nội dung những khác biệt và xu hướng hòa hợp, hội tụ của các hệ thống kế toán quốc tế và những vấn đề phát sinh đối với kế toán tại các tập đoàn đa quốc gia. Học phần cung cấp cho người học hiểu và nắm được các vấn đề kế toán khi doanh nghiệp tham gia vào các hoạt động kinh doanh và thương mại quốc tế trong bối cảnh toàn cầu. Thông qua lập kế hoạch, triển khai và đánh giá các hoạt động liên quan đến kế toán quốc tế, đọc và tìm hiểu được một số tình huống chuyên môn bằng tiếng Anh.

<p>47</p> <p>Khóa luận tốt nghiệp</p> <p>MÃ</p> <p>hp7KET034</p> <p>Số tín chỉ 10</p> <p>-</p>		<p>Khóa luận tốt nghiệp là một báo cáo nghiên cứu tổng hợp, phân tích chi tiết vào một chủ đề nghiên cứu chi tiết trong lĩnh vực kế toán - kiểm toán do sinh viên lựa chọn. Việc nghiên cứu gồm nhận diện, tổng hợp, phản biện các nghiên cứu trước, thảo luận các lý thuyết và có phương pháp có liên quan, thu thập và phân tích dữ liệu (có thể bao gồm các phương pháp thống kê). Sau khi có kết quả nghiên cứu từ phân tích các dữ liệu, sinh viên cũng cần phải phân tích và giải thích ý nghĩa của các kết quả này và báo cáo các kết quả này theo đúng các quy định học thuật. Bản khóa luận tốt nghiệp phải là nghiên cứu mới, thể hiện sự sáng tạo, sự phản biện và phân tích khoa học trên cơ sở vận dụng kiến thức, kỹ năng tích lũy trong quá trình học tập tại Học viện.</p> <p>Học phần Khóa luận tốt nghiệp chuẩn bị cho sinh viên tốt nghiệp lý thuyết, kỹ năng thực hành chuyên nghiệp và trải nghiệm môi trường làm việc trong lĩnh vực kế toán kiểm toán, qua đó chuẩn bị cho sự nghiệp tương lai sau khi tốt nghiệp.</p> <p>Học phần tốt nghiệp được triển theo nhóm từ 2 đến 4 sinh viên/nhóm và do 1 giảng viên hướng dẫn, gồm 3 giai đoạn chính như sau:</p> <p><b>Giai đoạn 1 (Milestone 1 - M1).</b> Đề xuất đề tài khóa luận (thực hiện trong 4 tuần):</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Nghiên cứu tổng quan: tìm hiểu tính cấp thiết, khảo sát nhu cầu, xác định mục tiêu của vấn đề cần được giải quyết (trong quá trình thực tập tốt nghiệp); điều tra tổng quan các phương pháp lý thuyết, giải pháp, sản phẩm có liên quan để giải quyết vấn đề này.</li> <li>2. Đề xuất giải pháp SO' bộ (phương pháp lý thuyết, quy trình triển khai, công cụ) cho vấn đề cần giải quyết trong</li> </ol>
--	--	--



## **8. Hướng dẫn thực hiện chương trình**

### **8.1. Căn cứ pháp lý để xây dựng và thực hiện chương trình**

- Căn cứ Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

- Căn cứ Kế hoạch số 494/KH - ĐHĐĐ ngày 4/12/2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Đông Đô về việc rà soát, cập nhật, điều chỉnh và phát triển toàn bộ chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ của Trường Đại học Đông Đô;

### **8.2. Hướng dẫn sinh viên định hướng hoàn thành chương trình:**

- Về cơ bản sinh viên thực hiện CTĐT theo nguyên tắc khối kiến thức chung thực hiện trước, khối kiến thức cơ sở và khối kiến thức ngành thực hiện sau. Một số học phần của khối kiến thức cơ sở và khối kiến thức ngành có thể bố trí xen kẽ trong các học kỳ đầu để đảm bảo tiến trình đào tạo.

- Loại hình và thời gian đào tạo: Áp dụng đào tạo cử nhân ngành Kế toán trình độ đại học, với tổng thời gian đào tạo là 4 năm. Sinh viên tốt nghiệp đúng tiến độ là 4 năm học. Sinh viên có thể học tăng thêm khối lượng tín chỉ của mỗi học kỳ để có thể tốt nghiệp sớm 1 học kỳ (3 năm rưỡi). Sinh viên học tăng khối lượng cần chú ý cân nhắc thời gian, lực học và kinh phí để không bị hủy môn hoặc kết quả học thấp.

### **8.3. Trách nhiệm của các đơn vị đào tạo**

Phải thực hiện đúng yêu cầu về nội dung của chương trình; cung cấp đề cương chi tiết cho giảng viên giảng dạy từng học phần để đảm bảo ổn định kế hoạch giảng dạy.

Cố vấn học tập phải hiểu nội dung, hình thức thực hiện chương trình đào tạo theo học chế tín chỉ để hướng dẫn sinh viên đăng ký các học phần.

Chuẩn bị đầy đủ học liệu bắt buộc và học liệu tham khảo, cơ sở vật chất, để đảm bảo thực hiện tốt chương trình.

Cần chú ý đến tính logic của việc truyền đạt và tiếp thu các mô đun kiến thức của học phần tiên quyết, học phần bắt buộc và học phần tự chọn.

### **8.4. Trách nhiệm của giảng viên**

#### **8.4.1. Trách nhiệm về giảng dạy**

Giảng viên phải nghiên cứu kỹ nội dung đề cương chi tiết từng học phần để chuẩn bị bài giảng và các phương tiện đồ dùng dạy học phù hợp.

Giảng viên phải cung cấp học liệu cho sinh viên trước khi lên lớp để sinh viên chuẩn bị bài trước khi nghe giảng.

Tổ chức cho sinh viên các buổi thảo luận, chú trọng đến việc tổ chức học nhóm và hướng dẫn sinh viên làm tiểu luận, đồ án, giảng viên xác định các phương pháp truyền thụ; thuyết trình tại lớp, hướng dẫn thảo luận, giải quyết những vấn đề tại lớp, tại phòng thực hành, tại phòng thí nghiệm và hướng dẫn sinh viên viết thu hoạch.

- Áp dụng phương pháp dạy học tích cực lấy sinh viên làm trung tâm. Coi trọng sự chủ động trong học tập và tự học, tự nghiên cứu của sinh viên tôn trọng “thực học, thực hành”.

- Áp dụng các phương pháp dạy – học phát huy được tích cực, sáng tạo của sinh viên, giúp sinh viên thực hành các năng lực nghề nghiệp.

#### 8.4.2. Trách nhiệm về kiểm tra, đánh giá:

Theo Quy chế đào tạo đại học hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo; Theo Quy chế đào tạo đại học theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Đông Đô. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên: Thực hiện đánh giá kết quả học tập của sinh viên trong quá trình đào tạo và khi kết thúc khóa học dựa vào chuẩn kiến thức và kỹ năng đầu ra của ngành Kế toán, chuẩn đầu ra cho từng học phần được đánh giá theo các tiêu chí quy định.

#### 8.5. Trách nhiệm của sinh viên

Phải tham khảo ý kiến tư vấn của cố vấn học tập để lựa chọn học phần cho phù hợp với điều kiện của bản thân và tiến độ.

Phải nghiên cứu chương trình học tập trước khi lên lớp để dễ tiếp thu bài giảng. Sinh viên phải lên lớp đầy đủ thời gian để nghe hướng dẫn bài giảng của giảng viên.

Tự giác trong việc tự học và tự nghiên cứu, đồng thời tích cực tham gia học tập theo nhóm, tham dự đầy đủ các buổi thảo luận.

Tích cực khai thác các tài nguyên trên mạng và trong thư viện của trường để phục vụ cho việc tự học, tự nghiên cứu và làm đồ án tốt nghiệp. Thực hiện nghiêm túc quy chế thi cử, kiểm tra, đánh giá.

**BAN GIÁM HIỆU**  
**HIỆU TRƯỞNG**  
  
**TS. Đào Hải**